

Số: 657/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2026
của Trường Đại học Công nghệ thông tin

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-ĐHQG ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghệ thông tin giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Công văn số 1092/ĐHQG-CLĐT ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc điều chỉnh Chương trình hành động giai đoạn 2026-2030 của Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Công văn số 644/ĐHCNTT-TCHC ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Công nghệ thông tin về việc rà soát, hoàn thiện Kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chiến lược, đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung hoạt động trọng tâm, các chỉ tiêu thực hiện năm 2026 của Trường Đại học Công nghệ thông tin tại Công văn số 644/ĐHCNTT-TCHC (Công văn kèm theo) và giao chỉ tiêu thực hiện Chương trình hành động giai đoạn 2026-2030 của Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Đối với các hoạt động khác của Trường Đại học Công nghệ thông tin

tin, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin phê duyệt, ban hành và triển khai thực hiện.

Điều 3. Về kinh phí thực hiện, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin căn cứ các nguồn thu của đơn vị để triển khai thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Trưởng ban các ban chức năng, Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ thông tin, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các Phó Giám đốc ĐHQG-HCM;
- Lưu: VT, CLĐT (Tiên, Phụng).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Thanh Mai

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 664/ĐHCNTT-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 6 năm 2026

V/v rà soát, hoàn thiện Kế hoạch hoạt động
trọng tâm năm 2026

Kính gửi: Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện đề nghị của Ban Chiến lược, đầu tư, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc rà soát, hoàn thiện Kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2026 theo các chỉ tiêu tại Công văn số 1092/ĐHQG-CLĐT ngày 26/5/2026 về việc điều chỉnh Chương trình hành động giai đoạn 2026-2030 của Chiến lược phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;

Trường Đại học Công nghệ Thông tin kính báo cáo Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh việc rà soát, hoàn thiện Kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2026, cụ thể như sau:

1. Bổ sung chỉ tiêu "Đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia có trình độ tiến sĩ" tại Phụ lục II, Công văn số 1092/ĐHQG-CLĐT vào Kế hoạch hoạt động năm 2026: đã có trong mục số 20, Phụ lục – KPIs năm 2026 (nhiệm vụ trọng tâm) của Nhà trường.

2. Bổ sung các mục tiêu tại Phụ lục III, Công văn số 1092/ĐHQG-CLĐT vào Kế hoạch hoạt động năm 2026: đã bổ sung vào mục số 30 đến mục số 37, Phụ lục – KPIs năm 2026 (nhiệm vụ trọng tâm) của Nhà trường.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chiến lược, đầu tư;
- Lưu: VT, TCHC, MĐ.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

PHỤ LỤC I

TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

*(Đính kèm Công văn số 664/ĐHCNTT-TCHC ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

Thực hiện nhiệm vụ công tác theo kế hoạch hoạt động năm 2025, bám sát Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2025, Trường Đại học Công nghệ Thông tin (ĐHCNTT) đã đạt được những kết quả quan trọng, với các mặt hoạt động cụ thể như sau:

I. CÁC SỰ KIỆN, THÀNH TÍCH NỔI BẬT

Năm 2025, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của Trường ĐHCNTT (UIT), ĐHQG-HCM, tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Sinh viên UIT tiếp tục khẳng định năng lực và bản lĩnh trên đấu trường học thuật trong nước và quốc tế với nhiều thành tích ấn tượng:

- Giải Nhất cuộc thi quốc tế CIS 2025 và Giải Nhì Cyber SEA Game 2025, khẳng định vị thế hàng đầu khu vực của đội tuyển An toàn thông tin UIT.
- Giải Nhất M*CTF-International 2025, Giải Nhì PwnMe CTF 2025, Giải Nhất HCMUS-CTF 2025, Giải Nhì Digital Dragons CTF 2025, và Top 12 toàn cầu tại FLARE-On 12.
- Đội tuyển VNUHCM.UIT.JobSeekers xuất sắc giành Huy chương Đồng tại The 2025 ICPC Asia Bangkok Regional Contest, góp mặt trong Top 9 khu vực châu Á.
- Giải Nhất Giải thưởng Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên các cơ sở giáo dục đại học năm 2025.
- Giải thưởng Nữ sinh khoa học – công nghệ Việt Nam năm 2025, Gương mặt trẻ Việt Nam triển vọng năm 2024.
- Nhất Olympic Vi Điện tử Quốc tế 2025 – Vòng Quốc gia.
- Đội Robocon UIT giành Giải Ba bảng Master cuộc thi Robocon ORC toàn quốc 2025.

Những kết quả trên thể hiện sự trưởng thành toàn diện của sinh viên UIT trong học thuật, nghiên cứu và kỹ năng nghề nghiệp, đồng thời phản ánh định hướng giáo dục hiện đại, gắn liền thực tiễn và đổi mới sáng tạo của Nhà trường.

Đội ngũ giảng viên và nhà khoa học UIT tiếp tục khẳng định năng lực trong cộng đồng khoa học quốc tế với nhiều công bố thuộc danh mục Web of Science và Scopus.

Năm 2025, UIT đồng hành tổ chức Hội nghị quốc tế MAPR 2025 tại Nha Trang – diễn đàn khoa học quy tụ các chuyên gia đầu ngành, góp phần nâng cao uy tín học thuật và vị thế nghiên cứu của Nhà trường.

Chương trình Algo Bootcamp 2025 tiếp tục được mở rộng quy mô, thu hút hàng trăm học sinh THPT trên toàn quốc, góp phần phát hiện và nuôi dưỡng thế hệ lập trình viên trẻ tài năng.

Cùng với đó, UIT triển khai mạnh mẽ các chương trình kiến tập và trao đổi quốc tế tại Singapore, Nhật Bản và Canada, mang đến cho sinh viên cơ hội tiếp cận môi trường học tập và nghiên cứu toàn cầu, phát triển kỹ năng hội nhập và tư duy quốc tế.

Nhiều dự án nghiên cứu và khởi nghiệp của giảng viên, sinh viên UIT lọt vào vòng chung kết các cuộc thi cấp quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực Trí tuệ nhân tạo (AI), An toàn thông tin và Công nghệ vì phát triển bền vững (SDGs). Những dự án chuyển giao công nghệ đi vào đời sống thực tế và phục vụ mạnh mẽ cho cộng đồng. Những thành quả này thể hiện tinh thần sáng tạo, năng động và trách nhiệm xã hội của sinh viên UIT – những kỹ sư công nghệ của thời đại số.

Với định hướng đổi mới và hội nhập, Trường ĐHCNTT, ĐHQG-HCM tiếp tục khẳng định vị thế là trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ hàng đầu Việt Nam, hướng đến mục tiêu trở thành đại học số tiên phong – hội nhập quốc tế – phát triển bền vững.

II. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG

Công tác chính trị, tư tưởng của Trường đạt được những kết quả tích cực. Tình hình chính trị, tư tưởng tại đơn vị ổn định, không có viên chức đảng viên, sinh viên vi phạm kỷ luật. Công tác triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên được thực hiện nghiêm túc, đạt 100%. Đảng ủy đã làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc như: kỷ niệm 95 năm ngày thành lập Đảng (3/2/1930 – 3/2/2025); 135 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 – 19/5/2025); 50 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2025); và kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh (02/9/1945-02/9/2025).

Nhà trường đã triển khai chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh năm 2025 và tổ chức tuyên dương, khen thưởng cho 6 tập thể và 11 cá nhân có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2025. Trong đó, có 02 tập thể và 03 cá nhân được khen thưởng cấp ĐHQG-HCM, cùng 01 cá nhân được tuyên dương cấp Thành phố.

Công tác cán bộ được thực hiện hiệu quả. Đảng ủy đã tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2025-2030 theo đúng tiến độ và thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đảng ủy Trường giai đoạn 2021 – 2026, 2026 - 2031.

Trong phong trào thi đua “Dân vận khéo năm 2025”, Đảng ủy đã tổ chức bình xét, trong đó cấp ĐHQG được 03 tập thể và 04 cá nhân.

Đảng ủy Trường đã phát động đóng góp ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do mưa, lũ khu vực miền núi, trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ với tổng số tiền 66.350.000 đồng; đồng thời đóng góp hỗ trợ các tỉnh bị thiệt hại do cơn bão số 10 (bão Bualoi) với tổng số tiền 78.150.000 đồng

❖ **Đánh giá:**

Nhìn chung, các hoạt động chính trị, tư tưởng trong năm 2025 được triển khai hiệu quả, đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch đề ra. Tình hình tư tưởng chính trị ổn định, không có đảng viên vi phạm phải kỷ luật. Công tác phát triển Đảng đạt (10/10) và có khả năng vượt chỉ tiêu đề ra.

III. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh và đào tạo

Trường tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định có liên quan công tác tuyển sinh đào tạo đại học. Quy mô tuyển sinh đại học chính quy tăng nhẹ 3.43% so với kỳ tuyển sinh năm 2024. Trong đó, tuyển sinh đại học chính quy văn bằng thứ nhất đạt tỷ lệ 101.17% so với tổng chỉ tiêu được giao, tăng 3.96% so với năm 2024; tuyển sinh văn bằng hai và liên thông đại học chính quy vẫn duy trì ổn định, đạt 105% chỉ tiêu; Tuyển sinh chương trình liên kết quốc tế BCU đạt 28% chỉ tiêu (25 SV/90 chỉ tiêu), giảm 57.63% so với năm 2024; Đào tạo từ xa ngành CNTT đã hoàn thành các đợt tuyển sinh, đạt 101% tổng chỉ tiêu (1000 chỉ tiêu) (*Bảng 4.3*).

Quy mô sinh viên trình độ đại học toàn Trường hiện nay giữ ở mức ổn định, chỉ tăng 9.26% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, quy mô sinh viên chính quy tăng nhẹ 3.06%, đào tạo từ xa tăng mạnh 52.37% so với cùng kỳ năm 2024, riêng BCU giảm 9.68%. Đặc biệt có 12 SV đang học ngành thứ 2 (song ngành), trong đó có 3 SV đến từ các CSĐT khác trong ĐHQG-HCM (*Bảng 4.1*). Tình hình sinh viên tốt nghiệp đại học rất đáng khích lệ, trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn đạt 66.2%, tăng 8.1% so với năm 2024 (*Bảng 4.4*). Xử lý học vụ sinh viên với tỷ lệ buộc thôi học giảm nhẹ 2.4%, tỷ lệ cảnh báo giảm 22.8% (*Bảng 4.2*).

Trường vẫn tích cực thúc đẩy việc trao đổi sinh viên (SV) giữa Trường ĐHCNTT và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXH&NV). Trong HK2 năm học 2024-2025, Trường ĐHCNTT gửi 75 SV sang Trường ĐHKHXH&NV học và đã

hoàn thành môn Kỹ năng truyền thông giao tiếp, trong HK1 năm học 2025-2026 Trường ĐHKHXH&NV gửi 82 SV sang Trường ĐHCNTT học môn Nhập môn lập trình.

2. Đột phá chất lượng các chương trình đào tạo tài năng và tiên tiến

Trường đã có nhiều hoạt động tích cực như triển khai 2 đợt chương trình “Sinh viên tài năng chạm tới đỉnh cao” và giải thưởng “Sinh viên đẳng cấp quốc tế” nhằm khích lệ sinh viên chương trình tài năng, tiên tiến không ngừng phấn đấu học tập. Đặc biệt, Trường đã hoàn thành đề án chương trình tài năng ngành Thiết kế vi mạch và đã tuyển sinh từ năm 2024. Ngoài ra, Trường đã mở lớp IELTS cho sinh viên các lớp tài năng nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời tuyển chọn và tổ chức cho 3-4 sinh viên tài năng kiến tập tại Singapore vào tháng 7/2025. Chương trình UIT Algo Bootcamp 2025 đã thu hút đông đảo học sinh THPT giỏi, tiềm năng tiếp cận môi trường học thuật năng động của Trường. Bên cạnh đó, Trường đã tổ chức thành công hội thảo “Đào tạo ICT trong kỷ nguyên AI” thu hút nhiều nhà khoa học và chuyên gia hàng đầu tham gia, góp phần nâng cao vị thế và chất lượng đào tạo của Trường.

3. Phát triển chương trình đào tạo đại học

Công tác phát triển chương trình đào tạo tại Trường có nhiều kết quả đáng khích lệ. Trường đã hoàn thành mở mới ngành “Truyền thông Đa phương tiện”, hoàn thành mở chương trình liên kết quốc tế với Trường Đại học Newcastle – Liên bang Úc. Đồng thời, đẩy mạnh cơ chế vận hành, khuyến khích khối kiến thức đa lĩnh vực và đã mở 01 môn học thuộc khối kiến thức đa lĩnh vực. Trường đã hoàn thành đề án xây dựng bài giảng số cho 50 môn học thuộc ngành Trí tuệ nhân tạo. Ngoài ra, môn “Phân tích dữ liệu với Python” đã hoàn thiện và được cập nhật vào hệ thống giảng dạy trực tuyến của ĐHQG-HCM. Song song đó, việc đánh giá theo hình thức trực tuyến đã hoàn thiện bộ văn bản hướng dẫn và triển khai thí điểm cho ngành KTMT; đồng thời hoàn thiện bộ văn bản hướng dẫn đánh giá chuẩn đầu ra cho các CTĐT và triển khai thí điểm cho 2 ngành KTMT, MMT&TTDL. Trường tiếp tục xây dựng đề án đổi mới đào tạo từ xa với nguồn học liệu số dùng chung, hệ thống CNTT đáp ứng cơ bản quản lý ĐTTX với elearning.citd.vn, cms.citd.vn, student.citd.vn, citd.vn.

4. Gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn

Trường luôn tích cực nghiên cứu các giải pháp nhằm gia tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tăng cường công tác cố vấn học tập/hỗ trợ học tập cho sinh viên, hoàn thiện quy trình và triển khai hệ thống tự động cảnh báo sinh viên về tình trạng học tập, các khoa triển khai hệ thống tutor trước các kỳ thi đối với các học phần có tỷ lệ đậu thấp, đang trong quá trình đánh giá hiệu quả; tiến hành cập nhật quy định ngoại ngữ cho phù hợp với quy định hiện hành và tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ. Nhờ những nỗ lực đó mà tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn năm 2025 đạt trên 66%.

❖ **Đánh giá:**

Công tác đào tạo đại học năm 2025 đạt chỉ tiêu đề ra với những kết quả tích cực, quy mô tuyển sinh và chất lượng đào tạo ngày càng nâng cao. Các ngành học, chương trình mới được mở nhằm đáp ứng xu hướng công nghệ và thu hút sinh viên. Chương trình đào tạo được cải tiến toàn diện. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn tăng vượt chỉ tiêu, phản ánh sự thành công trong các giải pháp hỗ trợ sinh viên của Trường.

IV. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Tổng số học viên sau đại học tuyển năm 2025 dự kiến là 13 nghiên cứu sinh (NCS) (10 KHMT, 3 CNTT) và 330 học viên cao học của 5 ngành, tăng khoảng 70% so với (*Bảng 4.6, phụ lục 4.2*). Trường tổ chức nhiều buổi tư vấn tuyển sinh, phối hợp với các Khoa để gia tăng quảng bá các chương trình đào tạo sau đại học (SDH) đến SV của Trường.

Trường đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp hỗ trợ học viên với ba đợt xét và bảo vệ luận văn, cùng các buổi seminar chuyên môn thiết thực. Hoạt động cố vấn học tập được triển khai chuyên nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả hỗ trợ. Trong năm 2024 có 88 học viên (tăng khoảng 60% so với năm 2024) tốt nghiệp CTĐT thạc sĩ; và 3 NCS bảo vệ luận án tiến sĩ cấp Trường (1 đã cấp bằng) (*Bảng 4.7, Phụ lục 4.2*).

Trường đang rà soát điều kiện mở ngành Khoa học dữ liệu trình độ thạc sĩ và ngành ATTT trình độ tiến sĩ.

❖ **Đánh giá:**

Công tác đào tạo sau đại học năm 2025 đạt chỉ tiêu đề ra với những kết quả tích cực, tuyển sinh ngày càng thu hút được nhiều thí sinh dự thi cao học và nghiên cứu sinh, trong khi số lượng tốt nghiệp vẫn được duy trì.

V. CÔNG TÁC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

1. Phát triển nghiên cứu ứng dụng và sản phẩm công nghệ, chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu địa phương, phục vụ cộng đồng

Trường đã thiết lập danh mục sản phẩm từ các nhóm nghiên cứu (*Bảng 4.12*) và phòng thí nghiệm, đồng thời hỗ trợ các nhóm tác giả tham gia triển lãm khoa học công nghệ trong nước. Các sản phẩm nổi bật tham gia triển lãm gồm: Thiết bị mặt đất giao tiếp vệ tinh, giải pháp tìm kiếm nội dung video tương tác đa phương thức, hệ thống phòng thực hành ảo vLab, hệ thống diễn tập An toàn thông tin, và công cụ AI chỉnh sửa ảnh bằng giao tiếp ngôn ngữ. Những sản phẩm này được giới thiệu nhằm kêu gọi doanh nghiệp đầu tư và đưa vào ứng dụng thực tế. Công tác sở hữu trí tuệ (SHTT) được chú

trọng thông qua các seminar nâng cao nhận thức và hỗ trợ đăng ký SHTT cho các nhóm nghiên cứu.

Trường Đại học Công nghệ Thông tin đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ, dự án khoa học và công nghệ, triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, cụ thể: được ĐHQG-HCM phê duyệt đề tài nhóm nghiên cứu mạnh *An toàn thông tin vận hành thích ứng, có khả năng phục hồi, thông minh và phi tập trung* (MS: NCM 2025-26-01, kinh phí 8.25 tỉ), tích cực tham gia các hoạt động kết nối thực hiện Nghị quyết 57 của ĐHQG-HCM, tích cực tham gia các đề tài của Quỹ Nafosted (được phê duyệt 2 đề tài, 4 đề tài đang xúc tiến ký hợp đồng) và phát triển phần mềm phục vụ cộng đồng (phần mềm tìm việc làm cho người khuyết tật đã bàn giao cho DrD).

2. Phát triển tiềm lực KHCN trên cơ sở đầu tư các nhóm nghiên cứu và tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

Các hoạt động nghiên cứu khoa học tại Trường đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong năm 2025. Sau 2 đợt xét đã có 100 đề tài NCKH của SV duyệt thực hiện, SV tham gia công bố 50 bài báo khoa học, trong đó có các bài thuộc Q1, nhận hỗ trợ 363 triệu đồng. Tổng số bài báo Scopus công bố tính đến tháng 12/2025 là 254 trong đó có 90 bài báo trên tạp chí Scopus-Q1, Q2 (*Bảng 4.10, Bảng 4.13*), góp phần hoàn thành chỉ tiêu 1200 bài báo Scopus của KHCL Trường giai đoạn 2021-2025. Số lượng đề tài NCKH các cấp (*Bảng 4.8*) của giảng viên đạt 83, dự kiến sẽ duyệt thêm 50 đề tài cơ sở vào cuối năm, tương đương năm 2024. Trường đã hỗ trợ 65 lượt giảng viên với kinh phí gần 1.200 triệu đồng để công bố bài báo khoa học và đang triển khai đợt hỗ trợ thứ 2. Ngoài ra, Trường tích cực tham gia viết các dự án đào tạo nguồn nhân lực và nghiên cứu vì mạch bán dẫn.

❖ Đánh giá:

Hoạt động NCKH trong GV, SV tiếp tục được duy trì. Công tác sở hữu trí tuệ đã bắt đầu có kết quả nổi bật. Tuy nhiên số lượng bài báo Scopus chưa đạt mục tiêu đề ra, bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan trong đó nguồn lực còn giới hạn và việc công bố nhiều bài báo đòi hỏi gia tăng kinh phí.

VI. CÔNG TÁC SINH VIÊN

Trong năm, Trường đã cấp gần 27 tỷ đồng (hơn 1 triệu USD) học bổng trong ngân sách và hơn 3,58 tỷ đồng cho 266 sinh viên ngoài ngân sách. Công tác vinh danh được triển khai trang trọng với 62 sinh viên và học viên cao học có bài báo khoa học, 32 thủ khoa tốt nghiệp, 2 thủ khoa tuyển sinh 2025, cùng 07 tập thể và 111 cá nhân đạt thành tích cấp ĐHQG.

Phòng Không gian chia sẻ duy trì hoạt động tư vấn trực tiếp và trực tuyến từ 9:00–16:00 các ngày thứ 2, 3 và 6, hỗ trợ hơn 200 sinh viên, giảng viên và phụ huynh. Toàn bộ tân sinh viên được sàng lọc sức khỏe tâm lý đầu năm, giúp phát hiện sớm và theo dõi các trường hợp đặc biệt.

Song song đó, các hoạt động truyền thông và phát triển kỹ năng được tổ chức đa dạng với 10 chuyên đề WeTalk (online và offline) với hơn 3.000 lượt sinh viên tham gia, 02 số podcast về chăm sóc sức khỏe tinh thần, và chương trình “Tuần lễ Sức khỏe Tinh thần UIT 2025” lần đầu tiên với hơn 60 sinh viên tham dự. CLB Lớp trưởng tổ chức Seminar “Career Map: From CV to Dream Job” (~300 sinh viên) và 03 talkshow lớn về kỹ năng nghề nghiệp, khởi nghiệp cùng diễn giả, cựu sinh viên và doanh nghiệp công nghệ.

Ngoài ra, sinh viên tích cực tham gia các sự kiện văn hóa – nghệ thuật như Liên hoan Âm nhạc HSSV ĐHQG-HCM 2025, talkshow “Động lực kiến tạo tương lai”, talkshow “Công nghệ kết nối tương lai”, và Hòa nhạc Giao hưởng Tuổi trẻ ĐHQG-HCM, với hơn 500 sinh viên tham dự.

Bên cạnh đó, Trường đã ban hành Khung năng lực và phẩm chất sinh viên khối ngành CNTT, làm cơ sở định hướng cho hoạt động rèn luyện kỹ năng mềm, công tác cố vấn học tập và phát triển toàn diện sinh viên.

❖ **Đánh giá:**

Hoạt động tư vấn, phát triển kỹ năng và văn hóa sinh viên được triển khai hiệu quả, đáp ứng tốt nhu cầu hỗ trợ tâm lý, nâng cao năng lực nghề nghiệp và gắn kết cộng đồng sinh viên. Phòng và các CLB đã tạo môi trường học tập - rèn luyện tích cực, góp phần phát triển toàn diện cho sinh viên.

VII. CÔNG TÁC TỔ CHỨC - NHÂN SỰ - HÀNH CHÍNH

Trong năm 2025, Trường đạt nhiều kết quả quan trọng trong công tác tổ chức và phát triển đội ngũ.

1. Công tác thu hút, duy trì, phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao

Đề án phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trình độ tiến sĩ giai đoạn 2025–2030 (QĐ 963/QĐ-ĐHCNTT, ngày 08/8/2025) cùng các chính sách hỗ trợ đào tạo tiến sĩ đã tạo nền tảng quan trọng giúp Trường vượt chỉ tiêu với tổng số 57 tiến sĩ (kế hoạch 30). Tính đến 31/10/2025, đội ngũ viên chức - người lao động tăng từ 384 lên 402 người; lực lượng giảng viên cơ hữu đạt 255 người, tỷ lệ tiến sĩ đạt mức 40%, số trường hợp nghỉ việc và nghỉ hưu là 08. Công tác phát triển đội ngũ được đẩy mạnh với việc tuyển dụng 08 tiến sĩ từ các cơ sở giáo dục – nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời ghi nhận 04 trường hợp giảng viên tiến sĩ nghỉ việc do có định hướng riêng, qua đó duy

trì quy mô CBGD–NC ở mức 255 người (chiếm 65,22% tổng nhân sự) và hoàn thành 100% chỉ tiêu tiến sĩ năm 2025.

Bên cạnh đó, Trường tiếp tục củng cố hợp tác học thuật quốc tế thông qua Chương trình Giáo sư thỉnh giảng của ĐHQG-HCM với 03 chuyên gia tham gia, và đã được phê duyệt Đề án phát triển đội ngũ nhà khoa học trình độ cao để triển khai từ năm 2026. Bên cạnh đó, đề án thành lập Phòng thí nghiệm Nghiên cứu Thiết kế vi mạch tích hợp chuyên dụng - ASIC LAB (QĐ 618/QĐ-ĐHCNTT, ngày 02/6/2025) đã được phê duyệt. Phòng thí nghiệm ASIC LAB đã được thành lập theo Quyết định 945//QĐ-ĐHCNTT ngày 13/08/2025.

2. Công tác đào tạo và bồi dưỡng

Trường đã cử 08 giảng viên tham gia nghiên cứu sinh trong và ngoài nước, đạt 160% chỉ tiêu. Trường cũng đã cử 20 nhân sự học sau đại học (9 nghiên cứu sinh, 11 học thạc sĩ); 02 tiến sĩ và 13 thạc sĩ tốt nghiệp, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn. Các hoạt động seminar nội bộ hàng tuần tại các khoa, phòng thí nghiệm đã giúp cập nhật kiến thức, phương pháp giảng dạy và kỹ năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Nhiều viên chức được bồi dưỡng chính trị, quốc phòng – an ninh, lãnh đạo cấp phòng và ngoại ngữ (17 VC-NLĐ tham gia khóa tiếng Anh).

3. Công tác bổ nhiệm Giáo sư, Phó Giáo sư

Tiếp tục được duy trì với 03 giảng viên được bổ nhiệm Phó giáo sư và 05 ứng viên được Hội đồng ngành đề cử đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư.

4. Hoạt động teambuilding

Chương trình teambuilding khối Chuyên viên có 77 VC-NLĐ tham dự và 100% các khoa, bộ môn tổ chức hoạt động tại đơn vị. Các chương trình này góp phần tăng cường gắn kết, thúc đẩy giao lưu và tạo động lực làm việc cho VC-NLĐ.

❖ Đánh giá:

Công tác tổ chức - nhân sự năm 2025 được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần củng cố bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ và tạo động lực phát triển bền vững cho Nhà trường trong giai đoạn tiếp theo.

VIII. CÔNG TÁC QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Công tác QHĐN năm 2025 đã bám sát định hướng chiến lược, tập trung tăng cường nguồn lực từ hợp tác quốc tế và nâng cao vị thế của Trường.

1. Hoạt động đối ngoại

Trường đã đón tiếp gần 50 đoàn đối tác quốc tế và cử 22 đoàn ra nước ngoài công tác để tìm kiếm cơ hội hợp tác. Trường tích cực đa dạng hóa đối tác theo các trục Bắc Á, Âu, Bắc Mỹ, Úc, Trung Quốc, Đông Nam Á, hướng đến hai nhóm chính là đối tác giáo

dục (thông qua chương trình trao đổi sinh viên) và đối tác doanh nghiệp (mở lớp đào tạo, trao học bổng, tuyển dụng).

Trường đã duy trì được sự hiện diện trong các mạng lưới giáo dục quốc tế thông qua dự án Erasmus (phụ trách bởi TS. Nguyễn Minh Sơn - Trưởng khoa Kỹ thuật máy tính).

2. Ký kết hợp tác

Đã ký kết **03 MOU/MOA** quan trọng với: Memorial University of Newfoundland (Canada), Viện Ferdinand-Steinbeis-Institut (Đức) và CT Group (Việt Nam). Các hợp tác này nhằm mở rộng tiềm năng phát triển, thúc đẩy hoạt động trao đổi sinh viên quốc tế và nghiên cứu khoa học.

3. Chương trình trao đổi sinh viên

Hoạt động trao đổi sinh viên được hệ thống hóa (cập nhật *exchange factsheet*, soạn thảo *Quy định đề cử* và *Quy trình*). Trong năm, có **14 sinh viên UIT** tham gia chương trình trao đổi quốc tế và **03 sinh viên quốc tế** đến trao đổi/thực tập tại Trường.

4. Mở rộng mạng lưới

Trường trở thành thành viên của các tổ chức và hiệp hội chuyên ngành quan trọng như: Hội Công nghệ Vi mạch Bán dẫn TP.HCM (HSIA), Hiệp hội An ninh mạng quốc gia (NCA), và Liên minh nghiên cứu và đào tạo nhân lực bán dẫn, vi điện tử (ARTseMI), góp phần tăng cường kết nối cộng đồng.

5. Doanh thu từ hợp tác địa phương, doanh nghiệp: Tài trợ và hợp tác 2025: 3.325.000.000 VNĐ

❖ **Đánh giá:**

Công tác Quan hệ Đối ngoại đã bám sát định hướng chiến lược và đạt hiệu quả cao trong các mục tiêu trọng tâm. Các hoạt động được triển khai thiết thực, góp phần tích cực vào việc nâng cao uy tín, vị thế quốc tế và thúc đẩy tiến trình phát triển bền vững của Nhà trường.

IX. CÔNG TÁC THANH TRA- PHÁP CHẾ - BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

1. Công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng

Trong năm 2025, Trường triển khai xây dựng phần mềm quản lý hệ thống ĐBCL theo Đề án chuyển đổi số, hiện đạt 80% tiến độ, phục vụ công tác rà soát, đánh giá giữa chu kỳ kiểm định cấp CSGD. Hệ thống quản lý minh chứng online được cập nhật thường xuyên, đảm bảo đầy đủ hồ sơ cải tiến chất lượng. Báo cáo cải tiến chất lượng sau kiểm định đang hoàn thiện, đạt 70% tiến độ.

Ở cấp chương trình đào tạo, tháng 4/2025, Trường nhận kết quả kiểm định ASIIN chính thức cho 4 CTĐT chứng nhận có giá trị đến tháng 09/2030, đồng thời Trường đã

hoàn thành đánh giá 5 CTĐT ngày 12–13/11/2025 theo chuẩn ASIIN (Bảng 4.20). Đồng thời, đang thu thập dữ liệu phục vụ xếp hạng đại học quốc tế năm 2026 và hoàn thiện báo cáo khảo sát VC-NLĐ về điều kiện làm việc.

2. Công tác thanh tra

Trường tổ chức thanh tra công tác coi thi cuối kỳ và tham gia đoàn thanh tra kỳ thi đánh giá năng lực hàng năm do ĐHQG-HCM tổ chức. Công tác kiểm tra bao gồm giảng dạy của giảng viên mỗi học kỳ, công tác coi thi kỳ thi tốt nghiệp THPT do Bộ GD&ĐT tổ chức và kiểm tra công tác tuyển sinh các chương trình đào tạo. Trường cũng tiến hành kiểm tra hành chính tại căn tin về an toàn thực phẩm, công tác thi tại các điểm thi chứng chỉ CNTT và kiểm tra văn bằng chứng chỉ.

Các công tác thanh tra và phòng chống tham nhũng được thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của cấp trên. Trường tiếp công dân thường xuyên theo quy định để giải quyết các vấn đề liên quan.

3. Công tác pháp chế

Trường rà soát, cập nhật và điều chỉnh các văn bản quản lý nhà nước theo quy định pháp luật theo định kỳ, góp ý các dự thảo văn bản từ ĐHQG-HCM và Bộ GD&ĐT. Hàng năm, Trường tổ chức báo cáo chuyên đề, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật nhân ngày Pháp luật Việt Nam.

❖ Đánh giá:

Các hoạt động bảo đảm chất lượng được triển khai chủ động, đồng bộ và cơ bản đạt tiến độ. Nhà trường tiếp tục hoàn thiện báo cáo cải tiến, khai thác dữ liệu đánh giá nội bộ, chuẩn bị cho kiểm định và xếp hạng năm 2026. Công tác pháp chế và thanh tra giảng dạy được thực hiện đầy đủ, hiệu quả.

Tuy nhiên, công tác bảo đảm chất lượng và tự đánh giá cấp chương trình đào tạo tại các Khoa còn hạn chế do thiếu nguồn lực; cần có cơ chế khuyến khích và hỗ trợ đội ngũ phụ trách để nâng cao hiệu quả triển khai. Bên cạnh đó, việc quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ xếp hạng vẫn chưa thật đồng bộ và tập trung.

X. CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ TƯ VẤN TUYỂN SINH

1. Công tác Xây dựng và Quảng bá Thương hiệu

Sản xuất TVC quảng bá: Đã hoàn thành sản xuất 01 TVC quảng bá UIT với phong cách hiện đại, trẻ trung và công nghệ. TVC này đã được nghiệm thu và trình chiếu rộng rãi trong nhiều chương trình quan trọng của Nhà trường, tạo ấn tượng mạnh mẽ và tăng cường tính nhận diện thương hiệu.

Bộ nhận diện Thương hiệu: Hoàn thành 100% kế hoạch xây dựng và ban hành 01 Bộ nhận diện Thương hiệu UIT đồng nhất, bao gồm 01 Bộ quy tắc sử dụng và 01 Brochure quốc tế giới thiệu Trường, giúp chuẩn hóa hình ảnh truyền thông.

2. Phát triển và Bồi dưỡng Tài năng

Nhà trường chú trọng bồi dưỡng đội ngũ sinh viên tinh hoa thông qua việc tổ chức các chương trình chuyên sâu:

Đã thực hiện thành công 2 đợt UIT ALGO BOOTCAMP với 194 trại sinh tham gia, tăng 21.3%. Trong số đó, có nhiều bạn đạt giải Quốc gia, cho thấy hiệu quả cao trong việc kết nối và nâng cao năng lực thuật toán cho các "hạt giống" tài năng của Trường.

3. Tư vấn tuyển sinh

Hoạt động hiệu quả, nhiều học sinh giỏi đã tham gia ứng tuyển vào Trường.

❖ *Đánh giá:*

Trường đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra trong công tác truyền thông, xây dựng thương hiệu và tư vấn tuyển sinh, góp phần nâng cao vị thế và uy tín của Trường.

XI. CÔNG TÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT

Năm 2025, Trường đã tập trung triển khai đồng bộ các hạng mục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ 10 phòng học nhà C thuộc dự án World Bank cùng 06 phòng học nhà C mở rộng đã được đưa vào sử dụng, góp phần tăng năng lực phục vụ học tập. Hạng mục mái vòm khu vực hồ cá cũng được hoàn thành và đưa vào khai thác, tạo không gian sinh hoạt chung cho sinh viên.

Công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng nhà B đạt tiến độ quan trọng, đã được phê duyệt quy hoạch 1/500, đồng thời Trường chuẩn bị hồ sơ để khởi công trong năm 2026. Các gói thầu số 6–9 và hạng mục giảng đường, phòng học và thiết bị đã hoàn thành quyết toán, nhiều hạng mục đưa vào sử dụng trong năm 2025. Một số hạng mục đang thi công chống thấm và lắp đặt thiết bị đợt 1, dự kiến hoàn tất trong tháng 12/2025.

❖ *Đánh giá:*

Công tác đầu tư cơ sở vật chất năm 2025 đạt kết quả tích cực, bảo đảm tiến độ và chất lượng, nhiều hạng mục hoàn thành đúng kế hoạch, góp phần cải thiện điều kiện giảng dạy – học tập và tạo tiền đề thuận lợi cho việc khởi công nhà B trong năm 2026.

XII. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Thực hiện kịp thời các báo cáo, dự toán, quyết toán theo định kỳ cũng như đợt xuất của Trường và đơn vị chủ quản.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán và quản lý đầu tư; báo cáo kịp thời, đầy đủ và đạt yêu cầu báo cáo quyết toán tài chính và các báo cáo định kỳ đợt xuất.

- Thực hiện công tác quản lý, cập nhật thu nhập của VC-NLĐ trong và ngoài trường, đảm bảo công tác quyết toán Thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế môn bài đúng hạn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tài chính các trung tâm.

1. Đánh giá công tác ước thực hiện thu năm 2025

Về thực hiện thu nguồn thu đơn vị năm 2025, Trường ĐHCNTT xây dựng dự toán 329.865 triệu đồng. Qua 11 tháng đầu năm 2025, Trường đã thực hiện thu: 316.603 triệu đồng, tỷ lệ thực hiện đạt 95,98 % so với dự toán giao. Ước dự thu 1 tháng cuối năm là 12.974 triệu đồng. Ước thực hiện thu cả năm là 329.577 triệu đồng (chi tiết trong bảng 01)

Bảng 1: Tình hình ước thực hiện thu năm 2025 bằng nguồn thu đơn vị
ĐVT: triệu đồng

STT	Các khoản thu	Dự toán thu 2025	Thực hiện thu 11 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện thu 01 tháng cuối năm	Ước thực hiện thu năm 2025	Tỷ lệ ước thực hiện thu/dự toán thu 2025
1	Học phí	298.865	296.198	7.800	303.798	102%
2	Lệ phí	3.000	1.194	200	1.394	46%
3	Hoạt động SXKD (hoạt động CGCN, dịch vụ KHCN)	6.000	2.811	3.510	6.321	105%
4	Hoạt động tài chính	3.000	2.824	300	3.124	104%
5	Thu sự nghiệp khác, thu hộ	19.000	13.576	1.364	14.940	79%
Tổng cộng		329.865	316.603	12.294	329.577	99,91%

2. Về thực hiện nhiệm vụ chi năm 2025

2.1. Về thực hiện chi NSNN: Trường ĐH CNTT được giao dự toán chi 34.346 triệu đồng. Trong đó: Chi đầu tư xây dựng cơ bản là 13.049 triệu đồng. Chi không thường xuyên là 21.297 triệu đồng.

Về tình hình giải ngân NSNN qua 11 tháng đầu năm đạt 24,47% so với dự toán được giao. Ước giải ngân 2 tháng cuối là 8.098 triệu đồng. Ước thực hiện giải ngân Ngân sách Nhà nước năm 2025 đạt 99,91% so với dự toán được giao trong năm (*chi tiết trong bảng 2*).

Bảng 2: Tình hình ước giải ngân NSNN năm 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Các khoản chi	Dự toán giao năm 2025	Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2025	Thực hiện giải ngân 1 tháng cuối năm 2025	Ước thực hiện giải ngân năm 2025	Đánh giá tình hình thực hiện giải ngân so với dự toán được giao
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	13.049	12.816	233	13.049	100%
II	Chi không thường xuyên	21.297	13.401	7.865	21.266	99,85%
Tổng cộng		34.346	26.217	8.098	34.315	99,91%

2.2 Về thực hiện chi năm 2025 bằng nguồn thu đơn vị:

Trong 11 tháng đầu năm 2025, tổng chi từ nguồn thu đơn vị là 265.085 tỷ đồng. Ước thực hiện 01 tháng cuối năm là 73,4 tỷ đồng. Ước thực hiện nguồn chi đơn vị cả năm là 338,5 tỷ đồng (*chi tiết tại bảng 3*).

Bảng 3: Tình hình thực hiện chi năm 2025 bằng nguồn thu đơn vị

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Dự toán chi năm 2025	Thực hiện thu 11 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện thu 1 tháng cuối năm	Ước thực hiện chi năm 2025	Tỷ lệ thực hiện chi/ dự toán chi
Tổng cộng	320.218	265.085	73.471	338.566	105,72%

Nội dung	Dự toán chi năm 2025	Thực hiện thu 11 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện thu 1 tháng cuối năm	Ước thực hiện chi năm 2025	Tỷ lệ thực hiện chi/ dự toán chi
A. Chi cá nhân	129.173	127.746	13.775	141.521	109,56%
B. Chi nghiệp vụ chuyên môn	103.241	79.551	36.478	116.029	112,35%
C. Chi sửa chữa mua sắm	39.563	18.825	13.174	31.999	80,88%
D. Chi cho các đơn vị, đoàn thể và chi khác	16.991	9.322	7.984	17.306	101,85%
E. Thuế	14.550	19.082	0	19.082	131,15%
F. Đóng góp 3% Quỹ phát triển ĐHQG + GDQP & LLCT, GDTC	14.500	9.545	1.900	11.445	78,93%
G. Chi cho hoạt động chuyển giao công nghệ	2.200	1.014	160	1.174	53,36%

Qua ước thực hiện năm 2025, tình hình tài chính có nhiều thay đổi so với dự toán do các nguyên nhân sau:

- Qui mô nhân sự tăng so với năm 2024 vì vậy kéo theo chi cho cá nhân tăng 12,3 tỷ so với năm 2024.

- Về tăng ước thực hiện chi nghiệp vụ chuyên môn so với dự toán chi là 7,9 tỷ chủ yếu tăng chi cho NCKH nhằm hỗ trợ động viên cho sự phát triển nghiên cứu của đội ngũ sinh viên giảng viên trong trường và chi học bổng tăng do nguồn thu tăng nên phân trích 8% học bổng tăng tương ứng.
- Thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN từ năm 2013 -2024 và 3 quý đầu năm 2025 về 2%/ doanh thu.
- Về tăng ước thực hiện chi cho các đơn vị đoàn thể so với dự toán chi là 315 triệu đồng chủ yếu nhằm nâng cao hình ảnh quảng bá Trường nên thay đổi tăng so với dự toán ban đầu cho một số hoạt động dành cho sinh viên.

3. Dự kiến cân đối thu chi từ nguồn thu đơn vị năm 2025

Qua tình hình ước thực hiện thu và chi bằng nguồn thu đơn vị của năm 2025, tình hình tài chính của Trường ước tồn cuối năm là 96.965 triệu đồng (*chi tiết trong bảng 4*).

Bảng 4: Tình hình tài chính nguồn thu đơn vị ước thực hiện năm 2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện 2025
I	Tồn đầu năm	105.944
II	Thu trong năm	329.577
III	Chi trong năm	338.566
IV	<i>Chênh lệch thu chi trong năm</i>	-8.979
V	Ước tồn cuối năm	96.965

❖ **Đánh giá:**

Qua tình hình tài chính ước thực hiện năm 2025, cho thấy có nhiều thay đổi do thực hiện nghĩa vụ thuế TNDN từ năm 2013 -2024 và 3 quý đầu năm 2025 về 2% doanh thu. Thêm vào đó, để nâng cao hình ảnh quảng bá Trường nên thay đổi tăng so với dự toán ban đầu cho một số hoạt động dành cho sinh viên (quà tặng cho sinh viên, chính sách học bổng...).

Ngoài ra, năm 2025 Trường vượt tăng chỉ cho NCKH nhằm hỗ trợ động viên cho sự phát triển nghiên cứu của đội ngũ sinh viên, giảng viên trong Trường.

XIII. CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Hệ thống quản trị đại học thông minh

Hệ thống này là một thành phần của dự án “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số tại ĐHQG-HCM theo định hướng phát triển Đại học số”. Hiện đang triển khai hệ thống phần mềm, trong tháng 12/2025 sẽ đưa vào sử dụng chính thức.

2. Hệ thống website mới của Trường

Hệ thống website mới của Trường bao gồm các hoạt động và kết quả:

- Xây dựng trung tâm điều hành chuyển đổi số: hoàn thành trong tháng 12/2025 và tiếp tục hoàn thiện trong quý 1/2026.
- Chuẩn hóa CSDL về đào tạo, SV, NCKH, nhân sự: đạt 100%.
- Thiết kế, xây dựng hệ thống website mới: đạt 50%.
- Xây dựng công cụ tổng hợp và phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định: hoàn thành trong tháng 12/2025 và tiếp tục hoàn thiện trong quý 1/2026.

3. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tài chính kiểm soát dòng tiền hiệu quả

Các hoạt động đã triển khai và kết quả như sau:

- Xây dựng hệ thống thu và quản lý học phí kết nối tự động với ngân hàng: đạt 100%
- Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tài chính kiểm soát dòng tiền hiệu quả: hoàn thành trong tháng 12/2025.

❖ Đánh giá:

Các hoạt động trong năm 2025 đánh giá chung là đạt, tuy nhiên để hoàn thiện các hệ thống quản lý cần tiếp tục thực hiện trong năm 2026.

XIV. CÔNG TÁC THƯ VIỆN

Trong năm học, Trường đã nâng cấp không gian học tập toàn diện, gồm 100% máy lạnh, 01 khu vực học mở, 03 khu vực học yên tĩnh và 02 phòng học nhóm; 05 điểm phát wifi được duy trì, bàn ghế và ổ cắm điện được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của sinh viên và cán bộ (Bảng 4.25).

100% tài liệu số của Trường (luận án, luận văn, khóa luận, giáo trình) đã được số hóa và cung cấp quyền truy cập toàn văn từ xa cho toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên. Thư viện cũng liên kết hiệu quả với 8 thư viện thành viên ĐHQG-HCM, cập nhật hơn 95% dữ liệu người dùng lên hệ thống quản lý thư viện dùng chung, đồng thời triển

khai truy cập toàn văn từ xa các cơ sở dữ liệu điện tử (21 CSDL) và các mạng tư liệu khoa học – công nghệ như Stinet, VILASAL và Digital Knowledge Hub.

Phần mềm quản lý thư viện dùng chung Sierra và phần mềm quản lý bộ sưu tập tài liệu số DSpace được vận hành hiệu quả, đảm bảo tra cứu, mượn trả và quản lý tài liệu số thuận tiện.

❖ **Đánh giá:**

Trường đã hoàn thành mục tiêu nâng cấp cơ sở vật chất thư viện, số hóa và liên kết dữ liệu toàn diện, góp phần tạo môi trường học tập – nghiên cứu hiện đại, tiện ích và đồng bộ, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Nhà trường.

XV. CÔNG TÁC ĐOÀN THANH NIÊN - HỘI SINH VIÊN

Trong năm 2025, Đoàn Trường đã triển khai 32 hoạt động trọng tâm, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch với 85% hoạt động vượt mức. Ở lĩnh vực học thuật, đội tuyển sinh viên tham gia 10/10 cuộc thi Olympic quốc gia, đạt hiệu suất 100%. Các hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội có kết quả nổi bật: chương trình hiến máu nhân đạo lần XXII tổ chức 4/2 đợt (200% kế hoạch), chiến dịch Mùa hè xanh triển khai 10/2 chương trình (500% kế hoạch) và tặng 13 bộ máy tính cho học sinh khó khăn. Công trình thanh niên cấp trường hoàn thành đúng tiến độ 100%, trong khi các hoạt động phối hợp cấp thành phố, cấp quốc gia đạt 6/5 chương trình (120% kế hoạch).

Nhìn chung, các chỉ tiêu công tác Đoàn năm 2025 được hoàn thành một cách toàn diện, thể hiện sự chủ động, tinh thần xung kích và hiệu quả tổ chức cao. Tuy nhiên, cần tiếp tục chú trọng chất lượng và chiều sâu của các hoạt động vượt kế hoạch để bảo đảm tính bền vững, tránh dàn trải nguồn lực.

❖ **Đánh giá:**

Đoàn Trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2025, với hiệu quả bình quân đạt khoảng 130% kế hoạch, khẳng định vai trò nòng cốt, tiên phong trong phong trào thanh niên và đóng góp tích cực vào mục tiêu chung của ĐHQG-HCM.

XVI. CÔNG TÁC CÔNG ĐOÀN

Trong năm qua, công đoàn trường đã tích cực triển khai công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đến toàn thể viên chức, người lao động. Các hoạt động tuyên truyền đa dạng, từ các buổi sinh hoạt chuyên đề đến các cuộc thi trực tuyến, đã góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong cán bộ, công nhân viên. Điển hình là việc tổ chức các cuộc thi trực tuyến và đạt giải Ba cấp ĐHQG-HCM.

Công đoàn luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi hợp pháp của viên chức, người lao động. Bên cạnh đó, công đoàn cũng tổ chức nhiều hoạt động chăm lo đời sống như khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ gia đình chính sách, tổ chức du lịch, nhằm nâng cao

chất lượng cuộc sống của mọi người. Đặc biệt, trong dịp kỷ niệm 27/7, công đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động tri ân đối với các gia đình thương binh, thể hiện sự quan tâm của tổ chức đối với những người có công với cách mạng.

Công đoàn đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao phong phú, góp phần xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh cho viên chức, người lao động. Các hoạt động như hội thao, các buổi văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn đã tạo không khí vui tươi, đoàn kết. Bên cạnh đó, công đoàn còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, như trao học bổng cho học sinh khó khăn, hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thể hiện tinh thần tương thân tương ái.

Công đoàn luôn quan tâm đến sức khỏe của viên chức, người lao động. Việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ và các buổi tọa đàm về sức khỏe đã giúp nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng của việc chăm sóc sức khỏe. Đặc biệt, chương trình chuyên đề về đột quỵ đã cung cấp những kiến thức hữu ích giúp mọi người phòng tránh và ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Với mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động, công đoàn đã không ngừng đổi mới và hoàn thiện các quy chế, quy định. Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ mới và cải tiến hệ thống quản lý đoàn viên đã góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong công tác. Đồng thời, công đoàn cũng tích cực củng cố tổ chức, phát triển đoàn viên, góp phần xây dựng Đảng bộ và chính quyền vững mạnh.

❖ **Đánh giá:**

Hoạt động của Công đoàn Trường ổn định và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Công đoàn phối hợp với Nhà trường thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống, vật chất và tinh thần cho VC-NLĐ, hỗ trợ VC-NLĐ khó khăn tại đơn vị; chăm lo chế độ chính sách.

XVII. HOẠT ĐỘNG CÁC TRUNG TÂM

1. Trung tâm Phát triển Công nghệ Thông tin

- Về đào tạo cử nhân Công nghệ thông tin – hình thức từ xa:

Trong năm 2025, đào tạo từ xa tiếp tục phát triển về quy mô và chất lượng, mở thêm ngành Trí tuệ nhân tạo và bắt đầu tuyển sinh với kết quả đạt và vượt chỉ tiêu (1011/1000, đạt 101%). Quy mô đào tạo hiện có 2.017 sinh viên, trong đó ngành CNTT chiếm 87,5%, ngành Trí tuệ nhân tạo 12,5%.

Hoạt động giảng dạy được triển khai trên Microsoft 365 và hệ thống LMS của Trung tâm, duy trì 3 học kỳ/năm, đồng thời thử nghiệm các phương pháp hiện đại như Flipped Classroom và Blended Learning trên 4 học phần.

Trung tâm đã xây dựng hệ thống quản lý và cổng thông tin sinh viên trực tuyến (student.citd.edu.vn, cms.citd.edu.vn) phục vụ đăng ký học phần, học phí và theo dõi kết

quả học tập. Trong năm, đã tổ chức 2 đợt tốt nghiệp cho 312 sinh viên và chuẩn bị đợt 3 với khoảng 180 sinh viên.

- Về chuyên giao công nghệ:

Trung tâm tiếp tục phát triển hệ thống tuyển sinh trực tuyến và module nhập học online cho Sau đại học, đồng thời thực hiện hợp đồng bảo trì phần mềm quản lý sinh viên cho ĐH Ngoại thương – Cơ sở 2.

- Về sát hạch Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin:

Hoạt động sát hạch chứng chỉ ứng dụng CNTT được nâng cấp toàn diện với phần mềm thi trực tuyến (thi.citd.edu.vn) và hệ thống tra cứu văn bằng chứng chỉ (tracuu.citd.edu.vn), đáp ứng tốt nhu cầu của thí sinh và người học.

2. Trung tâm Ngoại ngữ

Trung tâm Ngoại ngữ triển khai thực nghiệm chương trình tiếng Anh Cambridge cho năm học 2025–2026, áp dụng cho các lớp Anh văn sơ cấp và chương trình tiên tiến, đồng thời duy trì chương trình cũ cho hệ chuẩn để đảm bảo ổn định. Trung tâm mở rộng các lớp tiếng Nhật cho sinh viên có chứng chỉ IELTS, tạo điều kiện học ngoại ngữ thứ hai, và tiếp tục theo sát chương trình tiếng Nhật HuRedee cho 22 sinh viên.

Trung tâm hợp tác với Trường ĐH KHXH&NV tổ chức luyện thi, thi cấp chứng chỉ VSTEP; phối hợp IIG Việt Nam tổ chức thi TOEIC quốc tế; và liên kết với CDIMEX cung cấp tài liệu học ngoại ngữ. Đồng thời, tổ chức tập huấn giảng viên về chương trình Cambridge mới.

Năm 2025, Trung tâm tiếp nhận Chương trình “Fellowship Program” do Chính phủ Hoa Kỳ tài trợ, có giảng viên bản ngữ giảng dạy và hỗ trợ trong 10 tháng. Sinh viên được học, giao tiếp trực tiếp với chuyên gia Mỹ 2 buổi/tuần, góp phần nâng cao năng lực tiếng Anh học thuật.

Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trung tâm đạt kết quả tích cực với 2 bài báo khoa học và 7 bài báo hội nghị TESOL quốc tế. Trung tâm cũng liên tục cập nhật tài liệu giảng dạy, ứng dụng AI trong nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, hướng đến đổi mới phương pháp, đánh giá người học và đáp ứng chiến lược phát triển nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao.

3. Trung tâm An ninh mạng

Trong năm 2025, Trung tâm An ninh mạng (TTANM) đã triển khai hiệu quả công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho ĐHQG-HCM, với các nhiệm vụ chính:

- Tổ chức các khóa đào tạo an toàn thông tin cho người dùng cuối;
- Hoàn thành đánh giá ATTT cho các hệ thống thông tin quan trọng của ĐHQG-HCM;
- Giám sát ATTT cho hơn 600 cổng/trang trực thuộc;

- Hoàn thiện hệ thống đào tạo an toàn thông tin cho VC-NLĐ ĐHQG-HCM và các đơn vị thành viên.

Bên cạnh đó, TTANM còn thực hiện các hoạt động mở rộng:

- Phối hợp Liên đoàn Lao động TP.HCM tổ chức thành công Hội thi tay nghề quản trị mạng cấp Thành phố lần thứ 3 (năm 2025);
- Vận hành và đảm bảo bảo mật hệ thống thông tin cho 2 khách hàng;
- Thực hiện đánh giá ATTT cho 2 khách hàng.

Trong lĩnh vực đào tạo chuyên sâu:

- Tổ chức các khóa đào tạo nhận thức ATTT cho 2 khách hàng;
- Triển khai 3 khóa CCNA (30 học viên);
- Hỗ trợ training cho cuộc thi CTF (5 đợt);
- Hướng dẫn 25 sinh viên thực tập.

❖ **Đánh giá:**

Trong năm 2025, các trung tâm triển khai nhiều hoạt động nổi bật, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và chuyên môn. Nhiều kết quả tích cực đạt được trong tuyển sinh, mở rộng đào tạo từ xa, mặc dù vẫn còn thách thức trong việc duy trì liên tục quá trình học tập của sinh viên; tổ chức hoạt động học thuật, nâng cao trình độ ngoại ngữ; đẩy mạnh công tác đào tạo và thực hiện các dự án an toàn thông tin.

XV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong năm 2025, Nhà trường đã hoàn thành tốt những công tác quan trọng: tuyển sinh thành công đại học chính quy và sau đại học; công tác kiểm định quốc tế cấp chương trình theo bộ tiêu chuẩn ASIIN đang tiến triển khởi sắc, đã hoàn thành đánh giá 5 CTĐT.

Đặc biệt, nhiều sinh viên và giảng viên đạt giải thưởng cao trong các cuộc thi học thuật, nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế.

Trong tổng số 15 chỉ tiêu trọng tâm, Nhà trường đã hoàn thành 12/15 chỉ tiêu, trong đó có 3 chỉ tiêu vượt mức kế hoạch. Đồng thời, 2/15 chỉ tiêu còn lại dự kiến có thể hoàn thành trong đầu năm 2026. Tuy nhiên, một số hoạt động của Trường chưa thể triển khai theo kế hoạch, điển hình là công tác khởi công xây dựng Khối phòng học CNTT-B5 vẫn chưa thực hiện được do mới có quyết định quy hoạch 1/500 và đang thực hiện các bước tiếp theo (Bảng 4.28).

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC II PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

*(Đính kèm Công văn số 664/ĐHCNTT-TCHC ngày 12 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)*

Năm 2026, Trường ĐHCNTT tiếp tục định hướng phát triển theo mục tiêu nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, mở rộng hợp tác và tối ưu hóa hiệu quả các hoạt động khoa học - công nghệ. Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2025, các nhiệm vụ trọng tâm của năm 2026 được xây dựng theo hướng tăng cường năng lực nghiên cứu, đẩy mạnh đầu tư cho các nhóm nghiên cứu mạnh, mở rộng hợp tác chiến lược với doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy các đề tài quy mô lớn và nâng cao tỷ trọng nguồn thu từ hoạt động khoa học – công nghệ. Các mục tiêu định lượng và định tính đi kèm được xác định rõ ràng nhằm bảo đảm tính khả thi và đo lường được, cùng với hệ thống giải pháp cụ thể để triển khai đồng bộ trong toàn đơn vị.

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ - TƯ TƯỞNG

Lãnh đạo thực hiện tốt công tác chính trị tư tưởng tại đơn vị. Trong đó, triển khai đầy đủ các văn bản của cấp trên đến toàn thể viên chức, đảng viên, sinh viên, tạo sự đồng thuận trong tư tưởng và hành động, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại đơn vị. Một số nhiệm vụ, công tác chính:

- Triển khai chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh và đăng ký chương trình hành động thực hiện chuyên đề năm 2026.
- Triển khai phong trào thi đua “Dân vận khéo” năm 2026 theo hướng dẫn của cấp trên và bổ sung theo đặc thù của Trường.
- Lãnh đạo các chi bộ thực hiện tốt Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.
- Triển khai, quán triệt, tuyên truyền về sử dụng ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử tại chi bộ; áp dụng chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác đảng.
- Thực hiện tốt công tác cán bộ, trong đó phối hợp với ĐHQG-HCM để thực hiện tốt công tác cán bộ cấp lãnh đạo Trường.
- Cử cán bộ trong quy hoạch tham gia các lớp cao cấp trung cấp Lý luận chính trị.

- Tổ chức hội nghị rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo chính quyền các cấp thuộc quyền quản lý của Ban Thường vụ Đảng ủy ĐHQG-HCM và các cấp thuộc quyền quản lý của Đảng ủy Trường, giai đoạn 2025-2030; 2026-2031.
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát; công tác phát triển đảng, phấn đấu phát triển 20 đảng viên.
- Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, các hoạt động phong trào, hoạt động cộng đồng và tình nguyện. Trong đó chú trọng thực hiện tốt phong trào “Bình dân học vụ số”, phát huy vai trò chuyên môn của Trường.

II. ĐẢM BẢO VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

1. Hỗ trợ và nâng cao năng lực cho Sinh viên

- Tổ chức các lớp luyện thi, khóa học tăng cường tiếng Anh cho sinh viên.
- Mở rộng các học phần, chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.
- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn phương pháp giảng dạy ngoại ngữ cho giảng viên.
- Hợp tác với các trung tâm ngoại ngữ, tổ chức quốc tế trong kiểm định và cấp chứng chỉ ngoại ngữ.
- Tổ chức các cuộc thi, hoạt động ngoại khóa sử dụng tiếng Anh nhằm tạo môi trường thực hành.
- Đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, kỹ năng lãnh đạo
- Khuyến khích SV dự thi học thuật/quốc tế, công nghệ, khởi nghiệp
- Xây dựng hệ thống hỗ trợ sinh viên toàn diện, tư vấn hướng nghiệp, thực tập doanh nghiệp
- Cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sức khỏe tinh thần toàn diện cho người học
- Phát triển môi trường hoạt động thể chất, nâng cao sức khỏe tinh thần cho SV
- Đầu tư vào hạ tầng mạng phục vụ học tập hiện đại

2. Phát triển Chương trình đào tạo, trao đổi/Nghiên cứu Quốc tế

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học, tổ chức quốc tế về trao đổi sinh viên.
- Phát triển chương trình liên kết đào tạo quốc tế, chương trình học bằng tiếng Anh.
- Tổ chức hội thảo, seminar, chương trình giao lưu với chuyên gia quốc tế.
- Tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các chương trình thực tập, nghiên cứu ngắn hạn tại nước ngoài.
- Xây dựng các chương trình đào tạo trực tuyến (MOOC) và hybrid.
- Tiếp tục thủ tục mở CTĐT ngành KHDL trình độ thạc sĩ, chương trình tài năng thạc sĩ tích hợp và CTĐT ngành ATTT trình độ tiến sĩ.

3. Đảm bảo chất lượng đào tạo

- Tiếp tục kiểm định & nâng cao chất lượng các chương trình theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Phát triển hệ thống đánh giá, giám sát chất lượng đào tạo liên tục.
- Ứng dụng công nghệ quản lý chất lượng đào tạo, phân tích dữ liệu.
- Bồi dưỡng giảng viên về phương pháp giảng dạy hiện đại, nâng cao trình độ quốc tế.
- Phát triển chương trình dạy học cá nhân hóa, đảm bảo chuẩn đầu ra.

III. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế

- Phương hướng tập trung vào việc củng cố và quốc tế hóa hoạt động nghiên cứu, đặt mục tiêu đạt 300 bài báo khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus.
- Xây dựng các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng viết bài báo khoa học quốc tế cho giảng viên và nhà nghiên cứu.
- Khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia hội thảo quốc tế.
- Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu quốc tế để thực hiện các nghiên cứu chung.
- Duy trì tổ chức hội nghị quốc tế Scopus MAPR.
- Tham gia chương trình trọng điểm phát triển KHCN ĐHQG-HCM.

2. Đầu tư các nhóm nghiên cứu mạnh

Phương hướng nhằm phát triển 02 nhóm nghiên cứu mạnh có tiềm năng vươn tầm khu vực và quốc tế.

- Đầu tư trọng điểm:
 - o Xác định và đầu tư trọng điểm vào một số nhóm nghiên cứu có tiềm năng vươn tầm khu vực và quốc tế.
 - o Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh.
- Tạo điều kiện hợp tác nghiên cứu:
 - o Tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu mạnh tham gia dự án quốc tế, nhận tài trợ lớn.
 - o Hợp tác với các nhà khoa học, chuyên gia nước ngoài để bồi dưỡng nhóm nghiên cứu mạnh.

3. Gia tăng sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo

- Đầu tư và phát triển các dự án nghiên cứu ứng dụng có khả năng thương mại hóa cao, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ
- Khuyến khích giảng viên phát triển sản phẩm nghiên cứu ứng dụng có khả năng thương mại hóa

- Khuyến khích người học tham gia các cuộc thi quốc tế về học thuật, công nghệ, và khởi nghiệp

IV. CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Hướng đến nâng cao trình độ đội ngũ viên chức và người lao động, thu hút và giữ chân giảng viên xuất sắc.
- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng phục vụ công việc cho VC-NLĐ
- Xây dựng chương trình hỗ trợ giảng viên học tiến sĩ trong và ngoài nước: triển khai chính sách hỗ trợ VC-NLĐ tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ trong nước
- Tạo điều kiện giảng viên tham gia trao đổi học thuật, hội thảo quốc tế
- Khuyến khích giảng viên tham gia dự án nghiên cứu lớn, hợp tác quốc tế
- Đào tạo nội bộ về phương pháp giảng dạy hiện đại
- Chính sách đãi ngộ hấp dẫn để thu hút giảng viên xuất sắc trong và ngoài nước
- Cơ chế linh hoạt tuyển dụng giảng viên quốc tế, hỗ trợ visa, phúc lợi
- Hợp tác giảng dạy/nghiên cứu với trường đại học nước ngoài cho giảng viên quốc tế
- Xây dựng môi trường học thuật chuyên nghiệp, sáng tạo để thu hút nhà khoa học trẻ
- Chính sách đột phá để thu hút những nhà nghiên cứu quốc tế có tiềm năng

V. TÀI CHÍNH, CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tăng cường hiệu quả tài chính và tự chủ đại học: Đa dạng hóa nguồn thu nhập thông qua các chương trình đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn, hợp tác doanh nghiệp; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất để cung cấp dịch vụ cho cộng đồng, doanh nghiệp
- Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh. Tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu mạnh tham gia dự án quốc tế, nhận tài trợ lớn.
- Phát triển Thương hiệu: Quảng bá, xây dựng thương hiệu nhà trường để thu hút sinh viên quốc tế đến học tập (góp phần tăng nguồn thu).
- Xây dựng công trình Khối phòng học – Phòng máy thực hành A (CNTT.B5)

VI. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Trường đại học Công nghệ Thông tin phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm gắn với chỉ tiêu nhiệm vụ của ĐHQG giao trong năm 2026. Chi tiết nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp các mảng hoạt động được thể hiện chi tiết trong phụ lục KPIs 2026.

PHỤ LỤC

4.1. PHỤ LỤC - SỐ LIỆU CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Bảng 4.1. Quy mô đào tạo đại học

STT	Hệ/Chương trình	2021	2022	2023	2024	2025
1	Chính quy	7038	8123	8765	8765	8674
2	Liên kết quốc tế BCU	103	124	144	156	140
3	Từ xa	351	452	1209	1656	2022
Tổng		7492	8699	10118	10577	10836

Bảng 4. 2. Số lượng sinh viên bị xử lý học vụ qua các năm (BTH: Buộc thôi học, CB: Cảnh báo)

STT	Chương trình	2021		2022		2023		2024		2025	
		BTH	CB	BTH	CB	BTH	CB	BTH	CB	BTH	CB
1	Chính quy										
1.1	Đại trà/Chuẩn	234	239	119	228	104	428	128	1158	164	1074
1.2	CTTT	13	14	9	15	4	46	23	77	12	125
1.3	CLC	119	193	49	305	87	470	98	1228	89	925
1.4	Tài năng	0	0	0	0	0	0	0	20	0	9
1.5	Văn bằng thứ hai	20	1	7	25	13	30	15	17	10	42
1.6	Liên thông đại học					1	12	5	4	6	8
2	Liên kết quốc tế BCU	3	0	4	0	7	1	29	27	35	26
	Tổng	389	447	188	573	216	987	298	2531	291	2209

Bảng 4. 3. Thống kê tình hình tuyển sinh/nhập học

TT	Chương trình	2021	2022	2023	2024	2025
1	Chính quy	1891	1734	1879	2068	2138
1.1	Đại trà/Chuẩn	859	1562	1666	1856	1929

TT	Chương trình	2021	2022	2023	2024	2025
1.2	CTTT	69	63	73	80	56
1.3	CLC	867				
1.4	Tài năng	48	60	60	59	90
1.5	Văn bằng thứ hai	18	20	49	28	35
1.6	Liên thông đại học	30	29	31	45	28
2	Liên kết quốc tế BCU	61	35	45	58	25
3	Từ xa	209	192	827	549	1011
	Tổng	2161	1961	2751	2676	3174

Bảng 4. 4. Số lượng sinh viên tốt nghiệp

STT	Hệ/chương trình	2021	2022	2023	2024	2025
1	Chính quy	495	1205	1463	1761	1594
1.1	Đại trà/Chuẩn	314	785	836	855	769
1.2	CTTT	18	24	23	33	30
1.3	CLC	133	341	538	759	695
1.4	Tài năng	29	46	49	50	56
1.5	Văn bằng thứ hai	1	9	17	37	14
1.6	Liên thông đại học				27	30
2	Liên kết quốc tế BCU			13	22	32
3	Từ xa	39	23	63	100	312
	Tổng	534	1228	1539	1883	1938

4.2. PHỤ LỤC - SỐ LIỆU CÔNG TÁC ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Bảng 4. 5. Quy mô đào tạo Sau đại học

STT	Trình độ	2021	2022	2023	2024	2025
1	Thạc sỹ	435	431	420	542	651
2	Tiến sỹ	23	15	17	21	28
3	Dự bị NCS	1	5	3	6	3
	Tổng	459	451	440	579	682

Bảng 4. 6. Thống kê tình hình tuyển sinh SDH

STT	CTĐT	2021	2022	2023	2024	2025
1	ThS	102	101	177	242	175
2	NCS	3	1	7	15	2
3	Dự bị NCS	1	5	3	1	0
	Tổng	106	107	187	258	177

Bảng 4. 7. Quy mô tốt nghiệp trình độ Sau đại học

STT	Thạc sỹ/Tiến sỹ	2021	2022	2023	2024	2025
1	Thạc sỹ	32	35	54	53	43
2	Tiến sỹ	6	2	1	2	1
	Tổng	38	37	55	55	44

4.3. PHỤ LỤC - SỐ LIỆU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Bảng 4. 8. Số liệu đề tài khoa học công nghệ các cấp

Năm		2021	2022	2023	2024	10/2025
Cấp tỉnh/DN	Cấp mới	1	1	1	0	0
	Chuyển tiếp	3	4	3	1	0
	Nghiệm thu	0	2	2	1	0
	Gia hạn	1	1	1	0	0

Năm		2021	2022	2023	2024	10/2025
Cấp Bộ/ĐHQG	Cấp mới	17	12	24	26	25
	Chuyển tiếp	8	22	30	16	42
	Nghiệm thu	5	9	10	8	19
	Gia hạn	2	3	7	5	3
Cấp Cơ sở	Cấp mới	35	57	68	68	58
	Chuyển tiếp	27	41	20	68	68
	Nghiệm thu	21	29	37	30	44
	Gia hạn	8	0	0	0	0

Bảng 4. 9. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và kinh phí giai đoạn 2019- 2025

STT	Phân loại	Số lượng đề tài được duyệt và kinh phí (triệu VNĐ)									
		2021		2022		2023		2024		10/2025	
		SĐT	TKP	SĐT	TKP	SĐT	TKP	SĐT	TKP	SĐT	TKP
1	Cấp NN	0	0	0	0	0	0			0	0
2	Cấp tỉnh/DN	1	2.264	1	926	1	1.3			0	0
3	Cấp ĐHQG	17	5.72	12	4.24	24	8.93	26	11059	25	17060
4	Cấp cơ sở	33	1.18	57	1.995	68	2.38	68	2405	58	2285
5	Tổng SĐT & KP	51	9.164	70	7.161	93	12.61	49	11994	83	19345
6	KPTB/ĐT	179,69		102,3		130,75					

Bảng 4. 10. Công bố khoa học (Tất cả số liệu bài báo Scopus được cập nhật từ trang Scopus.com vào thời điểm 15:30 ngày 5/12/2025)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
1. Bài báo quốc tế	183	266	250	296	366
Số bài báo thuộc Scopus	170	263	248	278	254
Bài báo khác	13	3	2	18	112
Tỷ lệ số bài báo QT/tiến sỹ	2,59	3,67	3,02	2,72	3.06

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
2. Bài báo tạp chí, hội nghị trong nước	30	24	50	33	28
Tổng cộng	213	290	300	329	394

Tổng bài báo Scopus trong giai đoạn 2021-2025: 1213

Bảng 4. 11. Danh sách đề tài CGCN/hợp tác doanh nghiệp

TT	Tên đề tài	Mã số đề tài	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nơi cấp kinh phí/Đối tác
					(triệu đồng)	
1	Phát triển các kỹ thuật trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phân công xử lý văn bản đến		ThS. Nguyễn Văn Kiệt	4/2022-12/2022	550	Công ty TNHH VIETINFO
2	Cung cấp dịch vụ Xây dựng ứng dụng chỉnh sửa lỗi bài báo khoa học phục vụ cộng đồng		TS. Nguyễn Vinh Tiệp	05/2023-12/2023	100	Công ty TNHH MTV Dược phẩm PV Healthcare
3	Cung cấp dịch vụ Đánh giá An toàn thông tin cho ứng dụng, website		Trung tâm An ninh Mạng	01/2023 - 11/2023	798	Công ty Cổ phần DAYONE
4	Cung cấp dịch vụ Vận hành bảo mật hệ thống thông tin		Trung tâm An ninh Mạng	01/2023 - 02/2023	59	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Dầu khí Việt Nam
5	Cung cấp dịch vụ Đánh giá hiệu năng hệ thống công nghệ thông tin		Trung tâm An ninh Mạng	08/2023 - 09/2023	99	Bệnh viện Ung Bướu
6	Cung cấp dịch vụ Kiểm thử đánh giá an toàn thông tin cho công nghệ thông tin điện tử		Trung tâm An ninh Mạng	06/2023 - 11/2023	89	Viện Nghiên cứu Phát triển Tp.HCM

TT	Tên đề tài	Mã số đề tài	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nơi cấp kinh phí/Đối tác
					(triệu đồng)	
7	Cung cấp dịch vụ Kiểm thử phần mềm		Trung tâm An ninh Mạng	08/2023 - 12/2023	298	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Thành phố Hồ Chí Minh
8	Research activities on "intrusion detection with AI/ML		Trung tâm An ninh Mạng	01/2024 - 03/2024	245	Công ty TNHH Bosch Việt Nam
9	Hợp đồng tài trợ thành lập và duy trì Phòng thí nghiệm NC&PT Rosen-UIT		PGS.TS. Lê Đình Duy	10/2023-12/2025	1866.8	Công ty Rosen
10	Hệ chuyên gia hỗ trợ Tư vấn bất động sản và Giải pháp tài chính dựa trên cơ sở dữ liệu và tri thức	HTHT20 21-26-01	TS Nguyễn Đình Hiền	11/2021-11/2022	2,935.79	Tập đoàn Hưng Thịnh
11	Tài trợ kinh phí cho bộ phận quản lý Phòng NC&PT FSOFT-UIT	01/HĐTT	Nguyễn Minh Sơn	1/4/2019-31/3/2022	480	FPT
12	Tài trợ kinh phí triển khai, vận hành Phòng NC&PT FSOFT-UIT	02/HĐTT	Nguyễn Minh Sơn	1/4/2019-31/3/2022	1620	FPT
13	Tổng hợp khoanh khắc đẹp từ kho dữ liệu lớn	HTHT20 21-26-02 Chuyển tiếp	TS. Nguyễn Vinh Tiệp, PGS.TS. Trần Minh Triết	11/2021-11/2022	3.98	Hợp tác giữa ĐHQG-HCM và Tập đoàn Hưng Thịnh
14	Giải pháp công nghệ IoT/5G sử dụng kỹ thuật xử lý dữ liệu lớn	Chuyển tiếp	PGS.TS. Lê Trung Quân	9/2019-9/2022	4.025	VINIF

TT	Tên đề tài	Mã số đề tài	Chủ nhiệm	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Nơi cấp kinh phí/Đối tác
					(triệu đồng)	
	và trí tuệ nhân tạo cho đô thị thông minh					
15	Giải pháp hỗ trợ người khuyết tật tìm việc làm vieclamnkt.top		NCS. Đặng Văn Thìn	6/2025-10/2025	0	DrD

Bảng 4. 12. Danh sách nhóm nghiên cứu (NC)

STT	Tên viết tắt	Tên nhóm NC tiếng Việt	Tên nhóm NC tiếng Anh	Trưởng nhóm
1	ASIC	Thiết kế vi mạch ứng dụng đặc biệt	ASIC Design	Nguyễn Minh Sơn
2	B2DL	Dữ liệu lớn và Học sâu	Big Data and Deep Learning Lab	Lê Đình Duy
3	CA	Đại số giao hoán	Commutative algebra	Nguyễn Minh Trí
4	CEAI	Kỹ thuật Máy tính và Trí tuệ Nhân tạo	Computer Engineering and Artificial Intelligent	Vũ Đức Lung
5	CRYPTO	Mật Mã và Lý thuyết số	Cryptography and Number Theory	Nguyễn Ngọc Ái Vân
6	DC	Chuỗi dữ liệu	Data Chain	Nguyễn Hoàng Tú Anh
7	IEC	Tính toán cận biên thông minh	Intelligent Edge Computing	Lê Kim Hùng
8	KEG	Công nghệ tri thức và Máy học	Knowledge Engineering and Machine Learning	Nguyễn Đình Hiền
9	UITNLP	Nhóm Xử lý Ngôn ngữ Tự nhiên UIT	The UIT Natural Language Processing Group	Nguyễn Lưu Thùy Ngân
10	SAOAC	Giải tích ngẫu nhiên, tối ưu và điều khiển	Stochastic Analysis, Optimization and Control	Cao Thanh Tinh
11	INSECLAB	PTN An Toàn Thông Tin	Information Security Lab	Phạm Văn Hậu
12	ISLAB-UIT	PTN Hệ Thống Thông Tin	Information System Laboratory	Nguyễn Thanh Bình
13	PTNMMLAB	PTN Truyền Thông	MMlabs	Nguyễn Vinh

STT	Tên viết tắt	Tên nhóm NC tiếng Việt	Tên nhóm NC tiếng Anh	Trưởng nhóm
		& Đa Phương Tiện		Tiếp
14	UiTiOt	Internet vạn vật, mạng không dây thế hệ mới	Internet of things, advanced wireless network technologies	Lê Trung Quân
15	UTRG	UIT-Sát Cánh	UIT-Together	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang
16	Simul-Mater	Mô phỏng vật liệu- vật liệu bán dẫn và tribology	Simulations of materials- semiconductor and tribological materials.	Lê Văn Sáng
17	DS-MED	Khoa học dữ liệu và hệ thống y sinh.	Data Science and Biomedical Systems	Nguyễn Tất Bảo Thiện
18	TTLab	Thiết kế phần cứng cho thiết bị không dây	The Things Lab	Trịnh Lê Huy
19	STD	Dữ liệu không gian, thời gian	Spatial- Temporal Data	Nguyễn Gia Tuấn Anh
20	ELO	Tối ưu hóa & Học máy tiến hóa	Evolutionary Learning & Optimization	Lương Ngọc Hoàng
21	CVMA	Thị giác máy tính và Phân tích dữ liệu đa phương tiện	Computer Vision and Multimedia Analysis	Ngô Đức Thành
22	IEC	Tính toán thông minh cận biên	Intelligent Edge Computing	Lê Kim Hùng

Bảng 4. 13. Danh sách bài báo tạp chí thuộc danh mục SCOPUS-Q1 công bố năm 2025

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
1	On the effectiveness of adversarial samples against ensemble learning-based windows PE malware detectors	Tô Trọng Nghĩa, Đỗ Thị Thu Hiền, Nghi Hoàng Khoa, Đỗ Hoàng Hiền, Phan Thế Duy	International Journal of Information Security

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
2	TriLiteNet: Lightweight Model for Multi-Task Visual Perception	Chế Quang Huy, Lâm Đức Khải	IEEE Access
3	Enhancing person re-identification via Uncertainty Feature Fusion Method and Auto-weighted Measure Combination	Chế Quang Huy, Lưu Đức Tuấn, Nguyễn Vinh Tiệp,	Knowledge- Based Systems
4	TinyResViT: A lightweight hybrid deep learning model for on-device corn leaf disease detection	Lê Kim Hùng, Thái Huy Tân	Internet of Things
5	TLB Coalescing With Range Compressed Page Table for Embedded I/O Devices	Trần Đại Dương	IEEE Access
6	Chouinard's formula for quasi-injective dimension	Nguyễn Minh Trí	Mathematics
7	Data Quality Management in Big Data: Strategies, Tools, and Educational Implications	Nguyễn Thị Anh Thư, Nguyễn Hoàng Tú Anh,	Journal of Parallel and Distributed Computing
8	ViTASA: New benchmark and methods for Vietnamese targeted aspect sentiment analysis for multiple textual domains	Trần Quốc Khánh, Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Lưu Thùy Ngân,	Computer Speech & Language
9	R2GQA: retriever-reader-generator question answering system to support students understanding legal regulations in higher education	Trần Quốc Khánh, Nguyễn Văn Kiệt	Artificial Intelligence and Law

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
10	A comprehensive review of few-shot object detection on aerial imagery	Nguyễn Tấn Trần Minh Khang, Nguyễn Duy Khánh, Nguyễn Văn Tâm	Computer Science Review
11	KernelSHAP-NAS: A Shapley Additive Explanatory Approach for Characterizing Operation Influences	Lương Ngọc Hoàng	Neural Computing and Applications
12	ViOCR VQA: novel benchmark dataset and VisionReader for visual question answering by understanding Vietnamese text in images	Nguyễn Hiếu Nghĩa, Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Lưu Thùy Ngân	Multimedia Systems
13	Prediction of heart failure using voting ensemble learning models and novel data normalization techniques	Hà Minh Tân	Engineering Applications of Artificial Intelligence
14	uitPDF-MalDe: Malicious Portable Document Format files detection using multi machine learning models	Nguyễn Tấn Cầm	Engineering Applications of Artificial Intelligence
15	Do they like your game? Early-stage churn prediction using a two-phase neural network system	Nguyễn Tấn Cầm	Engineering Applications of Artificial Intelligence
16	nNFST: A single-model approach for multiclass novelty detection in network intrusion detection systems	Nguyễn Xuân Hà, Lê Kim Hùng	Journal of Network and Computer Applications

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
17	Hybrid Contextual and Sentiment-Based Machine Learning Model for Identifying Depression Risk in Social Media	Nguyễn Đình Hiền	Expert Systems with Applications
18	Evaluating pre-processing and deep learning methods in medical imaging: Combined effectiveness across multiple modalities	Nguyễn Tất Bảo Thiện	Alexandria Engineering Journal
19	Design of a Novel Fuzzy Ensemble CNN Framework for Ovarian Cancer Classification Using Tissue Microarray Images	Nguyễn Tất Bảo Thiện	Image and Vision Computing
20	Optimizing Knee Osteoarthritis Severity Diagnostics: A GA-Enhanced Deep Ensemble Approach in Medical Imaging	Nguyễn Tất Bảo Thiện	Ain Shams Engineering Journal
21	CAMUL: Context-Aware Multi-conditional Instance Synthesis for Image Segmentation	Nguyễn Thành Danh, Phạm Thị Bích Nga, Đàm Vũ Trọng Tài, Nguyễn Văn Tâm, Ngô Đức Thành, Nguyễn Vinh Tiệp	IEEE MultiMedia
22	A multimodal skin lesion classification through cross-attention fusion and collaborative edge computing	Trần Văn Như Ý, Lê Kim Hùng	Computerized Medical Imaging and Graphics
23	Detecting Signs of Depression on Social Media: A Machine Learning Analysis and Evaluation	Nguyễn Đình Hiền	Sustainable Futures

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
24	CoFANN: A Collaborative Framework for Accelerating DNN Inference in Drone-Based Agricultural Monitoring Systems	Trần Văn Như Ý, Lê Kim Hùng	Simulation Modelling Practice and Theory
25	The minimum cost problem of downgrading minimum lateness scheduling under uncertainty	Phùng Minh Đức	Communications in Combinatorics and Optimization
26	PoFQ: a blockchain consensus protocol for decentralized federated learning-based threat hunting approach in a trustless computing landscape	Nguyễn Hữu Quyền, Đỗ Hoàng Hiền, Phan Thế Duy, Phạm Văn Hậu	Cluster Computing
27	TwinLiteNet+: An Enhanced Multi-Task Segmentation Model for Autonomous Driving	Chế Quang Huy, Phạm Minh Quân, Lâm Đức Khải, Nguyễn Vinh Tiệp	Computers and Electrical Engineering
28	Personal Brand Value Extraction Method to Identify Micro-influencer for Effective Digital Marketing	Nguyễn Đình Hiền, Ngô Quốc Hưng	Complex & Intelligent Systems
29	Post-transfer learning statistical inference in high-dimensional regression	Võ Nguyễn Lê Duy	Statistics and Computing
30	Towards explainable trajectory classification: A segment-based perturbation approach	Võ Nguyễn Lê Duy	Neurocomputing

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
31	FW-GAN: Frequency-driven handwriting synthesis with wave-modulated MLP generator	Võ Nguyễn Lê Duy	Expert Systems with Applications
32	AI-Enhanced Structured Dataset Building for Generating Meaningful Knowledge Relationships and Diversified Questions	Nguyễn Quốc Việt	Expert Systems with Applications
33	Attention-Based Spatial-Temporal Graph Neural Network With Long-Term Dependencies for Traffic Speed Prediction	Nguyễn Quốc Việt	IEEE Transactions on Intelligent Transportatio n Systems
34	Small object detection in aerial traffic imagery: A benchmark for motorbike-dominated road scenes	Nguyễn Duy Khánh, Nguyễn Tấn Trần Minh Khang, Trương Quốc Dũng	Journal of Visual Communicat ion and Image Representati on
35	Fine-Tuning Additives of Carbon Nanotubes to Enhance Simulated Lubricity of PAO Oils	Lê Văn Sáng	Langmuir
36	Simulated Tribological Properties of Pure and Mixed-Base PAO Oils	Lê Văn Sáng	Langmuir
37	Quantum Deep Reinforcement Learning for URLLC Satellite-Air-Ground Integrated Networks with Digital Twin Applications	Huỳnh Văn Đặng	IEEE Internet of Things Journal
38	VPrWS: Vision transformer-based prototypical network with cross-	Nguyễn Tấn Hoàng Phước	Ad Hoc Networks

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
	inductive bias distillation for cross-domain wireless human sensing		
39	YOWOV3: An Efficient and Generalized Framework for Spatio Temporal Action Detection	Dương Việt Hằng	IEEE Intelligent Systems
40	Applying machine learning for chili pepper phenotyping and feature extraction	Mai Tiến Dũng	Smart Agricultural Technology
41	Efficient and Distortion-Aware Fisheye Object Detection for Edge Devices	Đỗ Văn Tiến, Ngô Đức Thành	IEEE Intelligent Systems
42	Robust and Efficient Multi-Fidelity Neural Architecture Search with Zero-Cost Proxy-Guided Local Search	Phan Minh Quân, Lương Ngọc Hoàng	ACM Transactions on Evolutionary Learning and Optimization
43	FR-CapsNet: Enhancing Low-Resolution Image Classification via Frequency Routed Capsules	Cao Thị Nhạn	IEEE Access
44	Comparative analysis of adaptive and general labeling methods for soybean leaf detection	Thái Thanh Tuấn	Frontiers in Plant Science
45	The fire tries gold: Evaluating pre-trained language models for multi-label vulnerability detection in ethereum smart contracts	Đoàn Minh Trung, Phan Thế Duy, Phạm Văn Hậu, Trần Tuấn Dũng	Journal of Systems and Software
46	An Integrated Decision-Making Framework for Enhancing Blockchain Scalability and	Võ Tấn Khoa, Nguyễn	IEEE Access

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
	Efficiency: Layer-2, Off-chain Storage, and Smart Contracts	Hoàng Tú Anh	
47	GraphGRU-ED: Leveraging Graph-Based Imputation and Deep Learning for MOOC Completion Prediction	Nguyễn Thị Anh Thư, Võ Tấn Khoa, Tạ Thu Thủy	IEEE Access
48	HetGNN-KGAT: Enhancing Personalized Course Recommendation in MOOCs with Knowledge Graph Attention Networks	Nguyễn Thị Anh Thư, Võ Tấn Khoa, Tạ Thu Thủy	IEEE Access
49	New calculus rules of relative subdifferentials and applications to constrained optimization problems	Cao Thanh Tĩnh	Journal of Global Optimization
50	uitObfAMC: Obfuscated Android malware classification using deep learning on multi-feature information approach	Phạm Nhật Duy, Nguyễn Tấn Cầm	Information Sciences
51	On the Lane-Emden- Matukuma equation $-\Delta u =$ $(1 + x ^2)^{-\sigma} u^\alpha$ in $\mathbb{R}^n$ with $\sigma > 1$	Cao Thanh Tĩnh	Mathematische Nachrichten
52	On the Matukuma equation in $\mathbb{R}^n$ and beyond	Cao Thanh Tĩnh	Zeitschrift für angewandte Mathematik und Physik

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
53	ZCLS: A Lifecycle Strategy for Efficient ZK-Rollup Circuit Optimization in Circom	Võ Tấn Khoa, Nguyễn Thị Anh Thư, Tạ Thu Thủy, Nguyễn Thị Mộng Thy	IEEE Access
54	STERR-GAN: Spatio-temporal Re-rendering for Facial Video Restoration	Phạm Thị Bích Nga, Lưu Đức Tuấn, Nguyễn Vinh Tiệp	IEEE MultiMedia
55	A New Benchmark Dataset and Mixture-of-Experts Language Models for Adversarial Natural Language Inference in Vietnamese	Huỳnh Văn Tín, Nguyễn Văn Kiệt, Nguyễn Lưu Thùy Ngân	Expert Systems with Applications
56	MTAS: A temporal-aware multiview graph attention framework for early rumor detection on social media	Lê Kim Hùng, Lê Phạm Hoàng Trung	Information Fusion
57	DAVE-CC: A decentralized, access-controlled, verifiable ecosystem for cross-chain academic credential management	Trần Tuấn Dũng, Phạm Văn Hậu, Nguyễn Tấn Cầm	Journal of Information Security and Applications
58	Beyond VirusTotal: A Semantic Approach to Building Reliable and Up-to-Date Android Malware Datasets from Threat Reports	Nguyễn Ngọc Trưởng, Lê Kim Hùng	ARRAY
59	Mining Cross-level High Utility Itemsets in Unstable and Negative Profit Databases	Vũ Đức Lung	IEEE Transactions on Knowledge and Data Engineering

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
60	Stability of solutions to set-valued equilibrium problems via scalarization	Hà Mạnh Linh	Optimization - A Journal of Mathematical Programming and Operations Research
61	Open-ViTabQA: A Novel Benchmark for Vietnamese Question Answering on Open Domain Wikipedia Table	Trần Quốc Khánh, Nguyễn Văn Kiệt	Knowledge- Based Systems
62	FedVuln: Scalable and Privacy-Preserving Federated Graph Learning for Smart Contract Vulnerability Detection on Parallel Systems	Trần Tuấn Dũng, Nguyễn Tấn Cầm, Phạm Văn Hậu	Future Generation Computer Systems
63	QUERY2RULE: Automatically generating logical query and reasoning from complex questions over large knowledge graph embedding	Đỗ Phúc	Knowledge and Information Systems
64	QUERY2TREE: a reasoning model for answering logical queries based on knowledge graph embedding and large language model	Đỗ Phúc	Knowledge and Information Systems
65	QUERY2BERT: Combining Knowledge Graph and Language Model for Reasoning on Logical Queries	Đỗ Phúc	IEEE Access
66	A deep learning method for differentiating safflower germplasm using optimal leaf structure features	Thái Thanh Tuấn	Ecological Informatics

STT	Tên bài báo	Tên tác giả UIT	Tên hội nghị/tạp chí
67	Advanced phenotyping features utilizing deep learning techniques for automated analysis of stomatal guard cell orientation	Thái Thanh Tuấn	Scientific Report
68	Acheron: A Market-Based Multi-Relay Architecture for Adaptive and Secure Cross-Chain Communication	Trần Tuấn Dũng, Phạm Văn Hậu	Internet of Things
69	Factors influencing choosing a mass rapid transit system for sustainable development: using the stimulus-organism-response model	Lê Thị Mỹ Danh	Management of Environmental Quality: An International Journal

4.4. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC SINH VIÊN

Bảng 4. 14. Thành tích của sinh viên

(Xem chi tiết tại link: <https://www.uit.edu.vn/bang-vang-sinh-vien>)

STT	Năm tổ chức	Tên giải thưởng	Số lượng
1	2025	Cuộc thi VBS 2025 (Video Browser Showdown)	Các thành viên đến từ Câu lạc bộ AI - khoa Khoa học Máy tính UIT
2	2025	cuộc thi quốc tế M*CTF-International	7SV Giải nhất
3	2025	Olympic Toán học Sinh viên và Học sinh lần thứ 31	08 giải chính thức 01 Huy chương vàng 02 Huy chương Bạc 03 Huy chương Đồng 02 giải khuyến khích
4	2025	PWNME CTF 2025	4SV Giải nhì bảng Academic
5	2025	Liên hoan Phim Sinh viên TP.HCM lần VI	Giải Nhì thể loại Phim Ca nhạc
6	2025	Cuộc Thi “Tuổi trẻ học tập và	1SV

STT	Năm tổ chức	Tên giải thưởng	Số lượng
		làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức	Giải Ba
7	2025	MCTF INTERNATIONAL 2025	7SV Giải nhất
8	2025	cuộc thi VBS 2025 tại Nhật Bản	giải Nhất
9	2025	IEEE MCSoc 2024	6SV giải BEST PAPER AWARD
10	2025	Olympic Trí tuệ nhân tạo TP.HCM 2025	15SV 1 giải nhì 2 giải ba 1 giải khuyến khích
11	2025	Vòng Quốc Gia Olympic Vi Điện Tử Quốc Tế lần thứ 20	5 SV 1 giải nhất 1 giải nhì 1 giải ba 2 giải khuyến khích
12	2025	Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật TP. HCM lần thứ 28	1SV 1 giải nhì
13	2025	Cuộc thi sáng tạo trẻ "Giao thông xanh"	1SV 1 giải nhất
14	2025	cuộc thi Thiết kế, Sáng tạo sản phẩm, công nghệ dành cho người khuyết tật năm 2025	1 giải nhất
15	2025	ICPC Asia Bangkok Regional Contest 2025	1 Huy chương đồng
16	2025	VietFuture Awards 2025	1 giải nhì 1 giải ba
17	2025	Cuộc thi Digital Dragons: The Cybersecurity Challenge 2025	1 giải nhì
18	2025	Khoa học và Công nghệ dành cho sinh viên trong các cơ sở giáo dục đại học năm 2025	1 giải nhất

Bảng 4. 15. Danh sách các khoản tài trợ/hỗ trợ dành cho SV năm 2025 từ cá nhân/ doanh nghiệp (ĐVT: triệu đồng)

T T	Đơn vị tài trợ	Tên học bổng/tài trợ	Giá trị học bổng/tài trợ	Số SV nhận HB
Học bổng hỗ trợ học tập				
1	Bộ KHCN bang Hessen - Đức	Học bổng Hessen	10	2
2	Quỹ học bổng Posco TJ Park	Học bổng Posco TJ Park	50	2
3	Ngân hàng Sacombank	Học bổng Sacombank	300	5
4	BOSCH	Tài trợ máy tính	375	25
5	HB Kumho Asiana	Học bổng Kumho Asiana	27,5	11
6	Quỹ Lương Văn Can	Học bổng Lương Văn Can	310	7
7	Ông Lee Nam Kwang - Công ty Leko Chemicals Pte Singapore	Học bổng NK Lee	39,6	1
8	Pacific Links Foudatrion	Học bổng GEMS Uninversity	421,2	46
9	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Học bổng EVN	150	15
10	Công ty Rosen	Học bổng Rosen	90	6

T T	Đơn vị tài trợ	Tên học bổng/tài trợ	Giá trị học bổng/tài trợ	Số SV nhận HB
11	Quỹ học bổng Cao Minh Thi	Học bổng Cao Minh Thi	25	1
12	Công ty TNHH C98	Học bổng NinetyEight	250	25
13	Thầy Đàm Quang Hồng Hải	Quỹ học bổng thầy Hải	25	5
14	Quỹ học bổng Pony Chung	Học bổng Pony Chung	60	4
15	Panasonic	Học bổng Panasonic	30	1
16	Quỹ Phát triển ĐHQG	Học bổng Quỹ Phát triển ĐHQG	100	3
17	Quỹ Phát triển ĐHQG	Học bổng kết nối doanh nghiệp - địa phương	150	30
18	Quỹ Phát triển ĐHQG	Học bổng vượt khó học tốt	165	33
19	Cellphones	Học bổng Cellphones	5	1
20	Coherent Việt Nam	Học bổng Coherent Việt Nam	20	4
21	Tập đoàn Nam Long	Học bổng Swing For Dreams	140	14
22	Tập đoàn Mitsubishi	Học bổng Mitsubishi	31	1

T T	Đơn vị tài trợ	Tên học bổng/tài trợ	Giá trị học bổng/tài trợ	Số SV nhận HB
23	Ngân hàng BIDV	Học bổng Tiếp sức Tân sinh viên	180	12
24	Ngân hàng PVcomBank	Học bổng Thắp sáng niên tin	15	1
25	KTX ĐHQG	Hỗ trợ từ KTX ĐHQG	96	38
26	Cty Elca	Học bổng Cty Elca	16	4
27	Tập đoàn Mirae Asset	Học bổng Mireas Asset	500	25
	Tổng		3.581	266

4.5. PHỤ LỤC - TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Bảng 4. 16. Đội ngũ VC-NLĐ Trường ĐHCNTT (cập nhật đến 15/11/2025)

TÊN GỌI		TỔNG SỐ NĂM 2025		
		Tổng số	Viên chức QL	Thực hiện chuyên môn
Chức danh nghề nghiệp	Viên chức giảng dạy (GV, GVC, GVCC)	226	41	185
	Viên chức khoa học và công nghệ	29		29
	Viên chức hành chính (CV, CVC, CVCC)	124	15	98
	Nhân viên phục vụ (nhân viên, lái xe, phục vụ...)	23		22
	Khác	0		
	Tổng	402	56	334
Trình độ	Giáo sư	1		1

	TÊN GỌI	TỔNG SỐ NĂM 2025		
		Tổng số	Viên chức QL	Thực hiện chuyên môn
chuyên môn	Phó Giáo sư	10	7	3
	Tiến sĩ	92	21	70
	Thạc sĩ	189	21	166
	Đại học	85	7	70
	Khác	25		24
	Tổng	402	56	334

Bảng 4.17. Tuyển dụng, quản lý và sử dụng VC-NLĐ (cập nhật đến 15/11/2025)

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng năm 2025
1	Thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, thăng hạng	
	- Công tác tuyển dụng:	
	+ Tổng số nhân sự được bổ nhiệm vào chức danh	6
	+ Tổng số nhân sự chưa được bổ nhiệm vào chức danh	20
	- Tổng số nhân sự đơn vị quyết định biệt phái (do đơn vị ra quyết định)	0
	- Tổng số nhân sự đơn vị quyết định chuyển chức danh nghề nghiệp	0
	+ Giảng viên	6
	+ Nguyên cứu viên	
	+ Chuyên viên	
2	Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng	
2.1	Công tác đào tạo (trong và ngoài nước)	
	- Về đào tạo trình độ Tiến sĩ:	
	+ Đăng ký	8
	+ Hoàn thành	1
	- Về đào tạo trình độ Thạc sĩ:	

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng năm 2025	
	+ Đăng ký	11	
	+ Hoàn thành	13	
	- Về đào tạo trình độ Đại học		
2.2	Công tác bồi dưỡng		
	- Bồi dưỡng Lý luận chính trị		
	+ Cao cấp lý luận chính trị hoặc tương đương	3	
	+ Trung cấp lý luận chính trị	2	
	- Bồi dưỡng Kiến thức quốc phòng-an ninh		
	+ Đối tượng 1	0	
	+ Đối tượng 2 (lãnh đạo đơn vị)	0	
	+ Đối tượng 3 (Trưởng/Phó trưởng Khoa, Bộ môn trực thuộc đơn vị, Trưởng/Phó Trưởng các Phòng, Ban chức năng hoặc tương đương)	3	
	+ Đối tượng 4: là đảng viên và không thuộc đối tượng 2 hoặc 3	0	
	- Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý		
	+ Bồi dưỡng vị trí Lãnh đạo, quản lý cấp Vụ hoặc tương đương	0	
	+ Bồi dưỡng vị trí Lãnh đạo, quản lý cấp Phòng hoặc tương đương	3	
	- Bồi dưỡng theo nhu cầu công việc (ví dụ: chứng chỉ đấu thầu, nghiệp vụ kế toán...)	15	
3	Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ quản lý	Thẩm quyền ĐHQG quyết định	Thẩm quyền đơn vị
	- Số nhân sự được bổ nhiệm:	0	3
	- Số nhân sự được bổ nhiệm lại:	1	5
	- Số nhân sự được thôi giữ chức vụ quản lý	0	1
4	Thực hiện nâng lương, phụ cấp thâm niên vượt khung	Thẩm quyền ĐHQG quyết định	Thẩm quyền đơn vị

TT	Nội dung báo cáo	Số lượng năm 2025	
	- Số người được nâng lương thường xuyên	0	76
	- Số người được nâng lương trước thời hạn		
	+ Do lập thành tích xuất sắc khi thực hiện nhiệm vụ	1	0
	+ Do có thông báo nghỉ hưu	0	0
	- Số lượng người được nâng phụ cấp thâm niên vượt khung	0	5
	+ Phụ cấp ưu đãi Nhà giáo	0	0
	+ Phụ cấp thâm niên Nhà giáo	0	0
5	Thực hiện xử lý kỷ luật:	Thẩm quyền ĐHQG quyết định	Thẩm quyền đơn vị
	- Số người bị khiển trách		0
	- Số người bị cảnh cáo		0
	- Số người bị cách chức		0
	- Số người bị buộc thôi việc		0
6	Thực hiện chế độ kéo dài thời gian làm việc, nghỉ hưu, thôi việc	Thẩm quyền ĐHQG quyết định	Thẩm quyền đơn vị
	- Số lượng người được kéo dài thời gian làm việc theo quy định	0	
	- Số nhân sự thôi việc để hưởng chế độ hưu trí BHXH		2
	- Số nhân sự thôi việc	0	6

4.6. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Bảng 4. 18. Công tác đào tạo viên chức và sinh viên ở nước ngoài

Năm	Quốc gia	Số lượng		Trình độ			Tổng cộng
		VC, GV	Sinh viên	Tiến sĩ và Sau TS	Thạc sĩ	Đại học	
2025	Nhật Bản		2				
2025	Hàn Quốc	1					
2025	Canada		2				
2025	Ireland	1		x			1
2025	Italia	1		x			1
2025	Chương trình AUN Summer Camp của Tổ chức AUN tại các quốc gia thuộc Khu vực Đông Nam Á		10				10
Tổng		3	14				17

Bảng 4. 19. Mở rộng và phát triển mới hợp tác với các tổ chức quốc tế

Năm	Châu lục	Quốc gia	Tên tổ chức
2025	Bắc Mỹ	Canada	Memorial University of Newfoundland
	Bắc Á	Nhật Bản	Viện Khoa học và Công nghệ NARA
	Âu	Đức	Ferdinand -Steinbeis-Institut

4.7. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC THANH TRA- PHÁP CHẾ - ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

Bảng 4. 20. Danh sách chương trình được kiểm định

STT	Năm	Tên chương trình/tên cơ sở giáo dục	Kiểm định Cấp cơ sở gđdh/ cấp chương trình	Thời gian đánh giá	Bộ tiêu chuẩn
1	2016	Kỹ sư Hệ thống Thông tin	Cấp chương trình	15-16/11/2016	AUN-QA
2	2023	Kỹ sư Hệ thống Thông tin	Cấp chương trình	14-15/11/2023	ASIIN

STT	Năm	Tên chương trình/tên cơ sở giáo dục	Kiểm định Cấp cơ sở gddh/ cấp chương trình	Thời gian đánh giá	Bộ tiêu chuẩn
3	2018	Kỹ sư Truyền thông và Mạng máy tính	Cấp chương trình	23-25/01/2018	AUN-QA
4	2019	Cử nhân Khoa học Máy tính	Cấp chương trình	10-02-19	AUN-QA
5	2021	Cử nhân Kỹ thuật Phần mềm	Cấp chương trình	04-01-21	AUN-QA
6	2022	Cử nhân Công nghệ Thông tin	Cấp chương trình	8-12/8/2022	AUN-QA
7	2022	Kỹ sư An toàn Thông tin	Cấp chương trình	8-12/8/2022	AUN-QA
8	2023	Cử nhân Thương mại điện tử	Cấp chương trình	14-15/11/2023	ASIIN
9	2023	Ths Hệ thống thông tin	Cấp chương trình	14-15/11/2023	ASIIN
10	2016	Trường Đại học Công nghệ Thông tin	Cấp cơ sở	29/10-02/11/2016	Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, ĐHQG-Hà Nội
11	2022	Trường Đại học Công nghệ Thông tin	Cấp cơ sở	5-10/10/2022	Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, ĐHQG-Hà Nội
12	2025	Cử nhân Kỹ thuật phần mềm	Cấp chương trình	12-13/11/2025	ASIIN
13	2025	Cử nhân Kỹ thuật máy tính	Cấp chương trình	12-13/11/2025	ASIIN
14	2025	Cử nhân Công nghệ Thông tin	Cấp chương trình	12-13/11/2025	ASIIN
15	2025	Cử nhân Khoa học dữ liệu	Cấp chương trình	12-13/11/2025	ASIIN
16	2025	ThS. Công nghệ Thông tin	Cấp chương trình	12-13/11/2025	ASIIN

4.8. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC CƠ SỞ VẬT CHẤT

Bảng 4. 21. Thống kê tình hình sử dụng cơ sở vật chất năm 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Diện tích sàn XD (m ²)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	177	27.860
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1.210
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	15	3.330
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	61	12.786
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	25	2.008
1.5	Số phòng học đa phương tiện	1	186
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	34	1.434,5
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	1.266
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	38	5.705

4.9. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Bảng 4. 22. Đánh giá tình hình ước thực hiện nhiệm vụ thu năm 2025 (ĐVT: triệu đồng)

STT	Các khoản thu	Dự toán thu 2025	Thực hiện thu 11 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện thu 01 tháng cuối năm	Ước thực hiện thu năm 2025
1	Học phí	298.865	296.198	7.800	303.798
2	Lệ phí	3.000	1.194	200	1.394
3	Hoạt động SXKD (hoạt động CGCN, dịch vụ KHCN)	6.000	2.811	3.510	6.321

STT	Các khoản thu	Dự toán thu 2025	Thực hiện thu 11 tháng đầu năm 2025	Ước thực hiện thu 01 tháng cuối năm	Ước thực hiện thu năm 2025
4	Hoạt động tài chính	3.000	2.824	300	3.124
5	Thu sự nghiệp khác, thu hộ	19.000	13.576	1.364	14.940
Tổng cộng		329.865	316.603	12.974	329.577

4.10. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CNTT:

Bảng 4.23. Danh sách phòng máy thực hành

Năm	Số chỗ	Số máy	Số lượng phòng		
			< 30	30-40	>50
2022	824	424	0	12	9
2023	1044	726	0	16	8
2024	1164	786	0	16	9
2025	1124	818	0	13	10

Bảng 4.24. Thống kê Data center

STT	Danh mục	Số lượng	Số core CPU	RAM (GB)	Số core GPU (CUDA)	Dung lượng lưu trữ (TB)	Ghi chú
1	Máy chủ	73	2,918	35,930		79.104	
2	Lưu trữ	8			1.379		
3	Máy ảo (VM)						
	Hệ thống UIT	240					Đang dùng
	GV & SV	200					Đang dùng
	Ngoài UIT	50					Đang dùng

4.11. PHỤ LỤC - CÔNG TÁC THƯ VIỆN

Bảng 4.25. Thống kê nguồn học liệu thư viện

STT	Nội dung	2022	2023	2024	06/2025	07/11/2025
I	Thư viện/Trung tâm học liệu của CSGD	1	1	1	1	1
1	Diện tích	1.266m ²	1.266m ²	1.266m ²	1.266m ²	1.266m ²
2	Số phòng đọc	4	4	4	4	4
3	Số chỗ ngồi đọc cùng thời điểm	>500	>500	>500	>500	>500
4	Số máy tính tra cứu OPAC	2	2	2	2	2
5	Kho sách (kho đóng)	1	1	1	1	1
6	Kho sách (kho mở)	1	1	1	1	1
7	Máy photocopy	1	1	1	1	1
8	Máy in	1	1	1	1	1
9	Số lượng học liệu					
	- Số lượng nhan đề sách	1786	2600	2800	3654	2517
	- Số lượng bản sách	14000	16415	18000	19438	18741
	- E-book	8000	>8000	2000	2256	2540
10	Số thư viện điện tử liên kết ngoài CSGD	2	8	8	8	8
11	Trung bình lượt ra vào thư viện/1 ngày	700-1000	700-1000	700-1000	700-1000	700-1000
12	Lượt mượn trả tài liệu	5755	6235	13054	16143	29173
13	Lượt mượn phòng học nhóm	350	1100	1544	805	936
14	Số kênh truyền thông quảng bá hoạt động Thư viện (Website, Fanpage, Youtube, Tiktok, Forum)	5	5	5	5	5
Phục vụ chung trong Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM (9 đơn vị thành viên)						

STT	Nội dung	2022	2023	2024	06/2025	07/11/2025
1	Diện tích Thư viện Trung tâm ĐHQG-HCM (phục vụ chung, 1 cơ sở chính và 1 cơ sở KTX B)	10.600m ²	10.600 m ²	10.600 m ²	10.600m ² 2	10.600m ²
2	Số chỗ ngồi đọc	1500	1500	1500	1500	1500
3	Phòng học nhóm	3	3	3	3	3
4	Máy tính	28	28	28	28	28
5	Máy in	7	7	7	7	7
6	Máy scan	4	4	4	4	4
7	Máy photocopy	1	1	1	1	1
8	Cơ sở dữ liệu điện tử trong và ngoài nước	22	22	22	21	24
9	Bộ sưu tập tài liệu số ĐHQG-HCM (bản điện tử)	3003	3003	3003	3081	3123
10	Sách bản in có tại Thư viện Trung tâm					
	- Số lượng nhan đề sách (bản in)			52581	56216	56216
	- Số lượng bản sách (bản in)			104742	114648	114648
11	Tạp chí	117	117	117	117	117
12	Tài liệu dùng chung trong Hệ thống các Thư viện ĐHQG-HCM (Không tính tài liệu đọc tại chỗ) được mượn về nhà:					
	- Số lượng nhan đề			30000	73705	73705
	- Số lượng bản			114979	219979	219979

STT	Nội dung	2022	2023	2024	06/2025	07/11/2025
13	Số lượt tài khoản từ Trường ĐHCNTT được cấp quyền truy cập các CSDLĐT dùng chung của Hệ thống Thư viện ĐHQG-HCM	2066	2189	2192	2224	2530
14	Số lượt bạn đọc từ ĐHCNTT truy cập các CSDLĐT dùng chung	5840	26721	37287	32628	32628
15	Số lượt bạn đọc ĐHCNTT ra vào sử dụng Thư viện Trung tâm	2646	4862	2870		
16	Số lượt bạn đọc từ ĐHCNTT mượn trả sách Thư viện Trung tâm (không tính lượt đọc tại chỗ)	850	1104	883	280	280
17	Liên kết truy cập từ xa nguồn học liệu từ đơn vị khác (https://stinet.gov.vn/)	1	1	1	1	1

Bảng 4. 26. Số lượng sách được xuất bản trong 5 năm 2021-2025

TT	Phân loại sách	Số lượng					Tổng số
		2021	2022	2023	2024	11/2025	
1	Sách chuyên khảo	0	0	1	1	1	3
2	Sách giáo trình	6	3	1	6	1	17
3	Sách tham khảo	0	0	0	1	0	1
4	Sách, tài liệu hướng dẫn	2	4	1	2	1	10
Tổng		8	7	3	10	3	31

Bảng 4. 27. Số lượng VC cơ hữu tham gia viết sách hàng năm

Năm	Số lượng				Tổng
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách, tài liệu hướng dẫn	
2021	0	16	0	3	19
2022	0	8	0	9	17
2023	1	5	0	5	11
2024	3	17	2	7	29
11/2025	1	3	0	5	9
	5	49	2	29	85

PHỤ LỤC – KPIs NĂM 2025

Bảng 4. 28. Các chỉ số KPI chính của KHCL Trường tính đến 15/11/2025

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu 2021-2025	Chỉ tiêu 2025	Kết quả 2025	Đánh giá
1	Tỷ lệ SV ra trường đúng hạn (năm 2025)	60%	60%	66.2 %	Vượt chỉ tiêu
2	Tỷ lệ tuyển mới học viên sau đại học/sinh viên	10%	10%	19%	Vượt chỉ tiêu
3	Tỷ lệ SV CQ/ CB GD&NC	20:1	20:1	20:1	Đạt
4	Số chương trình được cấp 02 bằng của Trường và 01 cơ sở đào tạo trong hệ thống ĐHQG	1	0		Đã hoàn thành cả giai đoạn
5	Số môn học dùng chung hệ thống học liệu số	9	2	0	Đã hoàn thành năm 2022 và vượt chỉ tiêu
6	Số CTĐT được kiểm định theo các tiêu chuẩn quốc tế (mới)	05 CTĐT	1	4 CTĐT	Vượt chỉ tiêu
7	Số hợp đồng NCKH hợp tác với doanh nghiệp	03/năm	3	1	Có thể hoàn thành

TT	Nội dung chỉ tiêu	Mục tiêu 2021- 2025	Chỉ tiêu 2025	Kết quả 2025	Đánh giá
8	Số bài báo khoa học trong danh mục ISI/Scopus	1200	280	254	Đạt cả giai đoạn (Tích lũy 1213/1200)
9	Đề tài/dự án nghiên cứu liên ngành	2	1	9	Vượt chỉ tiêu
10	Số lượng viên chức, người lao động cơ hữu	400	400	402	Đạt
11	Tỷ lệ TS/ tổng số GV cơ hữu đến năm 2025	40%	40%	40%	Đạt
12	Tổng diện tích sàn xây dựng hoàn thành/Tổng diện tích sàn xây dựng của Trường theo quy hoạch	44%	43%	42,7%	Có thể hoàn thành
13	Nguồn thu đơn vị so với năm trước (triệu đồng VN)	Tăng trung bình 15%/ năm	(+ 15%)	(+15,8%)	Đạt
14	Mức độ hài lòng của sinh viên đối với các hoạt động của Nhà trường	80%	80%	85.7%	Vượt chỉ tiêu
15	Mức độ hài lòng của giảng viên đối với các hoạt động của Nhà trường	80%	75%	86,6%	Vượt chỉ tiêu

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
KPIs NĂM 2026 (Nhiệm vụ trọng tâm)

(Đính kèm Công văn số 664/ĐHCNTT-TCHC ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
1	Đầu tư các nhóm nghiên cứu mạnh tiến tới đạt tầm châu Á	- GP007 – Xác định và đầu tư trọng điểm vào một số nhóm nghiên cứu có tiềm năng vươn tầm khu vực và quốc tế - GP008 – Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại hỗ trợ nhóm nghiên cứu mạnh - GP009 – Tạo điều kiện cho nhóm nghiên cứu mạnh tham gia dự án quốc tế, nhận tài trợ lớn - GP010 – Hợp tác với các nhà khoa học, giáo sư quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu - GP011 – Cập nhật chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH	Phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế và khu vực.	Số nhóm nghiên cứu mạnh được đầu tư trọng điểm để tiến tới đạt tầm châu Á: 2	X	X	X	X	UIT-02
2	Tăng cường nguồn thu từ hoạt động khoa học và công nghệ	- GP012 – Đầu tư và phát triển các dự án nghiên cứu ứng dụng có khả năng thương mại hóa cao - GP013 – Hợp tác với doanh nghiệp phát triển sản phẩm từ nghiên cứu - GP014 – Khuyến khích nhà nghiên cứu tham gia các dự án có nguồn kinh phí trong và ngoài nước - GP015 – Nghiên cứu cơ chế chia sẻ lợi nhuận giữa trường và các nhóm nghiên cứu	Tăng nguồn thu từ hoạt động khoa học công nghệ, nâng cao tính tự chủ tài chính và phát triển bền vững.	Tỷ trọng thu khoa học-công nghệ đạt chuẩn CSG D hàng năm: 5%	X	X	X	X	UIT-03

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
3	Số lượng bài báo quốc tế	- GP101 – Xây dựng các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng viết bài báo khoa học quốc tế cho giảng viên và nhà nghiên cứu - GP102 – Khuyến khích và hỗ trợ giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia hội thảo quốc tế - GP103 – Tạo cơ chế thưởng và hỗ trợ tài chính cho các nhóm nghiên cứu có công bố trên các tạp chí quốc tế - GP104 – Đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học và viện nghiên cứu quốc tế để thực hiện các nghiên cứu chung và đồng công bố - GP105 – Duy trì tổ chức hội nghị quốc tế Scopus MAPR - GP106 – Tham gia chương trình trọng điểm phát triển KHCN ĐHQG-HCM; - GP106- Đăng ký các block funding	Nâng cao số lượng công bố quốc tế, khẳng định vị thế nghiên cứu của trường trên trường quốc tế.	236	X	X	X	X	VNU-09
4	Sáng chế quốc tế	- GP107 – Tích cực tham gia các mạng lưới nghiên cứu quốc tế; hỗ trợ giảng viên viết đề xuất dự án và tìm kiếm nguồn tài trợ từ các quỹ quốc tế. - GP106- Đăng ký các block funding	Khẳng định năng lực đổi mới sáng tạo và bảo hộ trí tuệ ở quy mô toàn cầu.	4	X	X	X	X	VNU-10
5	Số sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia	- GP108 – Xây dựng "Hệ sinh thái R&D Trọng điểm" theo mô hình đặt hàng. Xác định "Danh mục công nghệ ưu tiên": Tập trung vào các lĩnh vực đang là xu thế và có lợi thế cạnh tranh (như AI, Bán dẫn, TKVM) - GP106- Đăng ký các block funding	Đóng góp trực tiếp vào sự phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của đất nước	1	X	X	X	X	VNU-11

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
6	Số sản phẩm công nghệ lõi có thể chuyển giao	- GP109 – Xây dựng "Hệ sinh thái R&D Trọng điểm" theo mô hình đặt hàng. Xác định "Danh mục công nghệ ưu tiên": Tập trung vào các lĩnh vực đang là xu thế và có lợi thế cạnh tranh (như AI, Bán dẫn, TKVM); - GP110-Đề xuất và thực hiện sản phẩm lõi có thể chuyển giao - GP106- Đăng ký các block funding	Tăng tính thương mại hóa của các đề tài nghiên cứu; kết nối chặt chẽ Lab - Thị trường	1	X	X	X	X	VNU-12
7	Hội thảo khoa học quốc tế (Quy mô trên 100 đối tác quốc tế)	- GP111 – Phát huy hội thảo MAPR, đẩy mạnh tìm kiếm và mời các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế có uy tín đến làm việc, giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.	Tạo diễn đàn trao đổi học thuật đỉnh cao; nâng cao vị thế của Nhà trường trên trường quốc tế.	2	X	X	X	X	VNU-13
8	Hội thảo gắn kết doanh nghiệp (Quy mô trên 100 doanh nghiệp)	- GP112 – Thiết lập các thỏa thuận hợp tác chiến lược với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước - GP113 – Tăng cường liên kết giữa nhóm nghiên cứu và doanh nghiệp - GP114 – Tổ chức các sự kiện kết nối nhà trường và doanh nghiệp - GP115 – Khuyến khích nhóm nghiên cứu chủ động tìm kiếm đối tác doanh nghiệp	Xây dựng hệ sinh thái Nhà trường - Doanh nghiệp bền vững; thúc đẩy hợp tác đầu tư và cung ứng nhân lực	1			X	X	VNU-20

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Chi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
9	Thu hút và phát triển sinh viên xuất sắc	- GP021 – Tăng cường chương trình học bổng cho học sinh giỏi quốc gia/quốc tế, sinh viên xuất sắc - GP022 – Phát triển các lớp tình hoa, chương trình đặc biệt cho sinh viên tài năng - GP023 – Mở rộng mạng lưới tuyển sinh tại các trường THPT chuyên, quốc tế - GP024 – Hợp tác với các quỹ học bổng, tổ chức quốc tế cung cấp học bổng cho SV	Gia tăng thu hút sinh viên xuất sắc, nâng tầm chất lượng đầu vào nhờ các chính sách, học bổng và môi trường đào tạo ưu việt.	Số SV đạt giải HSG-QG được tuyển vào trường: 50	X	X	X	X	UIT-09
10	Tỷ lệ quy mô tuyển sinh sau đại học/tuyển sinh đại học chính quy	- GP116- Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh các bậc học, hệ đào tạo - GP117- Đẩy mạnh tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ	Nâng cao tỷ trọng đào tạo chuyên sâu; khẳng định vị thế của một trường đại học định hướng nghiên cứu.	15%	X	X	X	X	VNU-03
11	Tỷ lệ nghiên cứu sinh/sinh viên sau đại học	- GP118- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định về thu hút, tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ. - GP117- Đẩy mạnh tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ - GP116- Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh các bậc học, hệ đào tạo	Thu hút những học viên ưu tú nhất tham gia nghiên cứu; nâng cao hàm lượng khoa học trong công tác đào tạo	10%	X	X	X	X	VNU-04
12	Tỷ lệ nghiên cứu sinh được miễn học phí và được cấp học bổng thông qua cơ chế trả lương trợ giảng, trợ lý nghiên cứu	GP119- Xây dựng các chương trình học bổng; rà soát, bổ sung quy định về hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu sinh trong quá trình tham gia nghiên cứu	Tạo sự an tâm và động lực để NCS tập trung toàn thời gian cho nghiên cứu; xây dựng đội ngũ kế cận chất lượng	100%	X	X	X	X	VNU-05

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
13	Chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh các ngành STEM	– GP120- Xây dựng mới, cập nhật các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, giảng dạy bằng tiếng Anh cho các ngành STEM	Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm việc trực tiếp trong môi trường toàn cầu	3	X	X	X	X	VNU-06
14	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	– GP121- Tăng cường công tác rà soát, đôn đốc sinh viên thực hiện đúng kế hoạch học tập; cải thiện quy trình hỗ trợ sinh viên trong quá trình đào tạo – GP122 - Hoàn thiện và triển khai hệ thống cảnh báo sớm cho SV đại học chính quy; Thưởng cho SV có chứng chỉ tiếng Anh điểm cao	Giảm thiểu tỷ lệ sinh viên quá hạn; tối ưu hóa nguồn lực đào tạo và chi phí cho người học	57%	X	X	X	X	VNU-07
15	Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc học tiếp các trình độ cao hơn sau 01 năm tốt nghiệp	– GP123- Tổ chức các chương trình giao lưu, tọa đàm, hướng nghiệp, hội trợ việc làm thường niên; gắn kết mạng lưới cựu sinh viên vào quá trình đào tạo và hỗ trợ kỹ năng – GP116- Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh các bậc học, hệ đào tạo	Nâng cao khả năng thích nghi và tính cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động trong và ngoài nước	90%	X	X	X	X	VNU-08
16	Quốc tế hóa hoạt động đào tạo	– GP124- Xây dựng các chương trình trao đổi sinh viên (Inbound-Outbound) linh hoạt; đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo và công nhận tín chỉ quốc tế	Chuẩn hóa chương trình học theo các tiêu chí kiểm định quốc tế; tăng cường sự hiện diện của trường trên bản đồ giáo dục thế giới	165	X	X	X	X	VNU-15

12/11/2023
 10h 30p
 3T

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
17	Sinh viên quốc tế được cấp bằng	- GP125- Tăng cường công tác truyền thông về các chương trình trao đổi; ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài để tiếp nhận sinh viên quốc tế; - GP120- Xây dựng mới, cập nhật các chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, giảng dạy bằng tiếng Anh cho các ngành STEM	Đạt được sự công nhận về chất lượng đào tạo từ người học quốc tế; đa dạng hóa bản sắc văn hóa trong học đường	44	X	X	X	X	VNU-16
18	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể hàng năm	GP060 – Cung cấp dịch vụ tư vấn và hỗ trợ sức khỏe tinh thần toàn diện	Cải thiện trải nghiệm học tập, nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ sinh viên.	Tỷ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể: 75%	X	X	X	X	UIT-22
19	Tỷ lệ VC-NLĐ hài lòng đối với các hoạt động của Nhà trường hàng năm	GP044 – Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng phục vụ công việc cho VC-NLĐ	Nâng cao sự hài lòng của viên chức, người lao động đối với môi trường làm việc và các chính sách của nhà trường.	Tỷ lệ VC-NLĐ hài lòng: 75%	X	X	X	X	UIT-23
20	Đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia có trình độ tiến sĩ	GP126- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định về thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và hỗ trợ công tác bồi dưỡng để phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học trình độ cao.	Xây dựng môi trường học thuật chuyên nghiệp, hấp dẫn nhân tài; đảm bảo cơ cấu chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của trường	26	X	X	X	X	VNU-01

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Chi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
21	Tỷ lệ giảng viên đạt chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư	– GP127- Thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện và đôn đốc các ứng viên đủ tiêu chuẩn nộp hồ sơ xét công nhận chức danh GS, PGS năm 2026.	Khẳng định vị thế và uy tín khoa học của Nhà trường thông qua đội ngũ chuyên gia đầu ngành	17%	X	X	X	X	VNU-02
22	Giảng viên/Nghiên cứu viên quốc tế (>3 tháng hoặc tương đương)	– GP128- Đẩy mạnh tìm kiếm và mời các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế có uy tín đến làm việc, giảng dạy và nghiên cứu tại Trường.	Mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế; tạo điều kiện cho giảng viên trong nước tiếp cận phương pháp làm việc toàn cầu.	8	X	X	X	X	VNU-14
23	Sinh viên đến trao đổi ngắn hạn (tham gia hoạt động trao đổi học thuật, có công nhận tín chỉ từ 3 tháng trở lên hoặc tương đương)	– GP129- Tăng cường công tác truyền thông về các chương trình trao đổi; ký kết hợp tác với các đối tác nước ngoài để tiếp nhận sinh viên quốc tế.	Nâng cao chỉ số hội nhập quốc tế; tạo môi trường học tập đa văn hóa cho sinh viên bản địa.	61	X	X	X	X	VNU-17
24	Sinh viên ĐHQG-HCM đi trao đổi ngắn hạn (tham gia hoạt động trao đổi học thuật, có công nhận tín chỉ từ 3 tháng trở lên hoặc tương đương)	– GP124- Xây dựng các chương trình trao đổi sinh viên (Inbound-Outbound) linh hoạt; đẩy mạnh các chương trình liên kết đào tạo và công nhận tín chỉ quốc tế	Sinh viên được trải nghiệm các nền giáo dục tiên tiến, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng hội nhập.	60	X	X	X	X	VNU-18
25	Tỷ lệ tăng số lượng dự án quốc tế mới trung bình hằng năm	– GP130- Tích cực tham gia các mạng lưới nghiên cứu quốc tế; hỗ trợ giảng viên viết đề xuất dự án và tìm kiếm nguồn tài trợ từ các quỹ quốc tế	Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học đạt chuẩn quốc tế; đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho nghiên cứu	15%	X	X	X	X	VNU-19

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
26	Hoạt động truyền cảm hứng của cựu sinh viên/doanh nghiệp (giao lưu, định hướng nghề nghiệp, trang bị kỹ năng...) cho sinh viên các khoa thuộc trường	– GP131- Tổ chức các chương trình giao lưu, tọa đàm, hướng nghiệp thường niên; gắn kết mạng lưới cựu sinh viên vào quá trình đào tạo và hỗ trợ kỹ năng cho sinh viên các khoa thuộc trường.	Thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn; tạo dựng cộng đồng cựu sinh viên đoàn kết, hỗ trợ sự nghiệp cho thế hệ đi sau	24	X	X	X	X	VNU-21
27	Tỷ lệ tổng nguồn thu tăng so với năm trước	– GP132- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh; phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, dịch vụ khoa học công nghệ và đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp khác.	Đảm bảo tiềm lực tài chính vững mạnh để tái đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao đời sống cán bộ, giảng viên	7%-10%	X	X	X	X	VNU-22
28	Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân người lao động/năm	– GP133- Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy định về chi tiêu nội bộ theo hướng tăng cường phúc lợi, khen thưởng để tạo động lực cho viên chức, người lao động; Khuyến khích, hỗ trợ nhà khoa học đăng ký đề tài các loại – GP106- Đăng ký các block funding	Cải thiện đời sống, tạo tâm lý an tâm công tác; khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo và hiệu suất làm việc cao	10%-12%	X	X	X	X	VNU-23
29	Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng bình quân/năm	– GP134- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh; phát triển các chương trình đào tạo ngắn hạn, dịch vụ khoa học công nghệ và đa dạng hóa các nguồn thu hợp pháp khác; – GP106- Đăng ký các block funding	Đảm bảo sức mạnh tài chính để tái đầu tư cơ sở vật chất hiện đại; giảm sự phụ thuộc vào các nguồn thu truyền thống	15%	X	X	X	X	VNU-24

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
30	Tăng số lượng nhà khoa học mới uy tín, là người nước ngoài, có quan hệ hợp tác mật thiết với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG HCM) được kết nối	- GP141: Triển khai Chương trình Giáo sư thỉnh giảng quốc tế - GP142: Xây dựng mạng lưới học giả quốc tế và cựu nhà khoa học hợp tác với ĐHQG-HCM - GP143: Tổ chức hội thảo, diễn đàn khoa học quốc tế thường niên	Tăng cường kết nối và hình thành mạng lưới hợp tác nghiên cứu quốc tế bền vững	12		X X	X	X	
31	Giảng viên/nghiên cứu viên có trình độ tiến sĩ tham dự hội nghị, hội thảo ít nhất 01 lần/năm, trong đó tối thiểu 50% số lượt tham dự là hội nghị, hội thảo quốc tế	- GP144: Ban hành chính sách hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước - GP145: Khuyến khích công bố quốc tế gắn với tham dự hội nghị khoa học uy tín	Nâng cao năng lực hội nhập học thuật và cập nhật tri thức quốc tế cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	100%	X	X	X	X	
32	Giảng viên làm việc 01 năm tại phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển của các tập đoàn, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và đại học trên thế giới sau mỗi 05 đến 07 năm công tác	- GP146: Xây dựng chương trình trao đổi học thuật và sabbatical quốc tế - GP147: Thiết lập hợp tác với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và đại học nước ngoài để tiếp nhận giảng viên	Nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và kinh nghiệm thực tiễn quốc tế cho giảng viên	100%		X X	X	X	
33	Nghiên cứu sinh tiến sĩ phải dành tối thiểu 10 tháng trao đổi nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, đại học hàng đầu thế giới	- GP148: Phát triển chương trình đồng hướng dẫn và trao đổi nghiên cứu sinh quốc tế - GP149: Hỗ trợ học bổng và kinh phí nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài cho nghiên cứu sinh	Tăng cường năng lực nghiên cứu quốc tế và mở rộng mạng lưới học thuật cho nghiên cứu sinh	100%	X	X	X	X	

X

X

HỒ CHÍ MINH

STT	Nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Mục tiêu		Thời gian triển khai				Ghi chú
			Định tính	Định lượng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
34	Sinh viên đại học có đợt thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước tối thiểu 01 kỳ học	- GP150: Mở rộng mạng lưới doanh nghiệp đối tác trong và ngoài nước - GP151: Tích hợp học kỳ doanh nghiệp và thực tập nghề nghiệp vào chương trình đào tạo	Tăng cường năng lực thực hành, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng của sinh viên	100%	X	X	X	X	
35	Số lượng đối tác là nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp mới được kết nối	- GP152: Tổ chức diễn đàn kết nối doanh nghiệp - Đại học thường niên - GP153: Phát triển mạng lưới đối tác chiến lược với doanh nghiệp và tổ chức xã hội	Mở rộng hệ sinh thái hợp tác doanh nghiệp phục vụ đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo	17	X	X	X	X	
36	Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng học tập trải nghiệm và công nghệ số; gắn kết doanh nghiệp – cộng đồng để nâng cao chất lượng và cá thể hoá đào tạo cho người học tài năng	- GP154: Chuyển đổi số chương trình đào tạo và học liệu - GP155: Phát triển mô hình đào tạo cá thể hóa, học tập trải nghiệm và học tập qua dự án - GP156: Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo	Nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực số và khả năng học tập suốt đời của người học	100%	X	X	X	X	
37	Triển khai SDGs tại ĐHQG-HCM (Phát triển bền vững)	- GP157: Tích hợp SDGs vào chiến lược phát triển, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng - GP158: Xây dựng mô hình đại học xanh, thông minh và phát triển bền vững - GP159: Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp gắn với SDGs	Thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao trách nhiệm xã hội của ĐHQG-HCM theo chuẩn quốc tế	100%	X	X	X	X	

Phụ lục

GIAO CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN 2045 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQG ngày tháng 5 năm 2026 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Chiến lược/chỉ tiêu	Mục tiêu đến năm 2030	Mục tiêu năm 2026
A	CÁC CHỈ TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐHQG-HCM		
I	Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị đại học		
1	Đào tạo, thu hút đội ngũ giảng viên, chuyên gia có trình độ tiến sĩ	131	26
2	Tỷ lệ giảng viên đạt chức danh Giáo sư/Phó Giáo sư	50%	17%
II	Đào tạo		
1	Tỷ lệ quy mô tuyển sinh sau đại học/tuyển sinh đại học chính quy	35%	15%
1.1	Tỷ lệ nghiên cứu sinh/sinh viên sau đại học	50%	10%
1.2	Tỷ lệ nghiên cứu sinh được miễn học phí và được cấp học bổng thông qua cơ chế trả lương trợ giảng, trợ lý nghiên cứu	100%	100%
2	Chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Anh các ngành STEM	8	3
3	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	71%	57%
3.1	Tỷ lệ sinh viên có việc làm hoặc học tiếp các trình độ cao hơn sau 01 năm tốt nghiệp	90%	90%
III	Khoa học và Công nghệ		
1	Số lượng bài báo quốc tế	2.219	236
2	Sáng chế quốc tế	20	4
2.1	Số sản phẩm công nghệ chiến lược quốc gia	2	1
2.2	Số sản phẩm công nghệ lõi có thể chuyển giao	3	1
3	Hội thảo khoa học quốc tế (Quy mô trên 100 đối tác quốc tế)	9	2
IV	Tăng cường hợp tác và chủ động hội nhập		
1	Giảng viên/Nghiên cứu viên quốc tế (>3 tháng hoặc tương đương)	62	8
2	Quốc tế hóa hoạt động đào tạo	825	165
2.1	Sinh viên quốc tế được cấp bằng	220	44
2.2	Sinh viên quốc tế đến trao đổi ngắn hạn, trong đó: - 50% tham gia chương trình trao đổi văn hóa ngắn hạn - 50% tham gia chương trình trao đổi học thuật, có công nhận tín chỉ từ 03 tháng trở lên hoặc tương đương	305	61

2.3	Sinh viên ĐHQG-HCM đi trao đổi ngắn hạn, trong đó: - 50% tham gia chương trình trao đổi văn hóa ngắn hạn - 50% tham gia chương trình trao đổi học thuật, có công nhận tín chỉ từ 03 tháng trở lên hoặc tương đương	300	60
3	Tỷ lệ tăng số lượng dự án quốc tế mới trung bình hằng năm	15%	15%
4	Hội thảo gắn kết doanh nghiệp (Quy mô trên 100 doanh nghiệp)	5	1
4.1	Hoạt động truyền cảm hứng của cựu sinh viên/doanh nghiệp (giao lưu, định hướng nghề nghiệp, trang bị kỹ năng...) cho sinh viên các khoa thuộc trường	120	24
V	Phát triển nguồn lực tài chính bền vững		
1	Tỷ lệ tổng nguồn thu tăng so với năm trước	7%-10%	7%-10%
2	Tỷ lệ tăng thu nhập bình quân người lao động/năm	10%-12%	10%-12%
3	Tỷ lệ tổng nguồn thu tại đơn vị tăng bình quân/năm	15%	15%
B	CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHÁC PHẢI THỰC HIỆN		
1	Tăng số lượng nhà khoa học mới uy tín, là người nước ngoài, có quan hệ hợp tác mật thiết với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) được kết nối	60	12
2	Giảng viên/nghiên cứu viên có trình độ tiến sĩ tham dự hội nghị, hội thảo ít nhất 01 lần/năm, trong đó tối thiểu 50% số lượt tham dự là hội nghị, hội thảo quốc tế	100%	100%
3	Giảng viên làm việc 01 năm tại phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển của các tập đoàn, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và đại học trên thế giới sau mỗi 05 đến 07 năm công tác	100%	100%
4	Nghiên cứu sinh tiến sĩ phải dành tối thiểu 10 tháng trao đổi nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, đại học hàng đầu thế giới	100%	100%
5	Sinh viên đại học có đợt thực tập, thực hành tại doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước tối thiểu 01 kỳ học	100%	100%
6	Số lượng đối tác là nhà lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp mới được kết nối	1.000	85
7	Đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng học tập trải nghiệm và công nghệ số; gắn kết doanh nghiệp – cộng đồng để nâng cao chất lượng và cá thể hoá đào tạo cho người học tài năng	100%	100%
8	Triển khai SDGs tại ĐHQG-HCM	100%	100%